

Số: 382 /BC-BKTNS

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết “Về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới” (theo Tờ trình số 3211/TTr-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Về hồ sơ**

- (1) Tờ trình số 3211/TTr-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh “Về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”;
- (2) Dự thảo nghị quyết “Về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”;
- (3) Phụ lục bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

#### **2. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia<sup>1</sup>, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là đúng thẩm quyền.

#### **3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Dự án chưa đáp ứng điều kiện giao vốn theo quy định tại

<sup>1</sup> 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu hằng năm;...”

khoản 2 Điều 53<sup>2</sup> Luật Đầu tư công năm 2019 (Sở Y tế chưa ban hoàn thành thủ tục trình hồ sơ dự án để cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Tuy nhiên, để đảm bảo không bị mất vốn Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất giao bổ sung kế hoạch nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai với tổng kế hoạch vốn bổ sung năm 2023: 45.334 triệu đồng. Với lý do:

- Ngày 22/10/2023, Thủ tướng Chính phủ mới có Quyết định số 1221/QĐ-TTg “Về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách Trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương”, trong đó giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn đối với 16 tỉnh trong đó có tỉnh Gia Lai.

- Trường hợp không giao vốn bổ sung năm 2023 để thực hiện sẽ dẫn đến bị hủy nguồn vốn này (45.334 triệu đồng), đồng thời năm 2024 sẽ không được tiếp tục giao nguồn vốn này (36.267 triệu đồng).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định. Đồng thời, kiến nghị HĐND tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm theo quy định Điều 2<sup>3</sup> Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>2</sup> 2. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

<sup>3</sup> 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 tỉnh (Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước, Sóc Trăng, Cà Mau) chỉ đạo thực hiện phân bổ, giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Đầu tư công;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ từng chương trình mục tiêu quốc gia theo địa bàn quản lý; kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dự án, tổ chức thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 đảm bảo đúng quy định pháp luật; cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn**  
**quyết toán ngân sách địa phương năm 2022**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết “*Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022*” (theo Tờ trình số 3217/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**1. Về hồ sơ**

(1) Tờ trình số 3217/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “*Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022*” (gồm 15 mẫu biểu kèm theo từ mẫu biểu 48 đến mẫu biểu 62);

(2) Dự thảo nghị quyết “*Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022*”.

**2. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ khoản 3 Điều 30<sup>1</sup> Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 việc HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 là đúng thẩm quyền.

**3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh, với những nội dung như sau:

(1) **Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn** : **5.682.829** triệu đồng (không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên, thu từ Quỹ dự trữ tài chính); gồm:

- Thu ngân sách trung ương:	473.998	-
- Thu ngân sách địa phương:	5.208.831	-

(2) **Tổng thu ngân sách địa phương**: **18.347.181** triệu đồng

- Thu Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	5.208.831	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	2.657.977	-
- Thu kết dư ngân sách:	613.514	-
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	9.743.169	-

<sup>1</sup> 3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

- Thu từ cấp dưới nộp lên:	77.386	-
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ:	46.304	-
<b>(3) Tổng chi ngân sách địa phương:</b>	<b>17.553.853</b>	triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	3.477.163	-
- Chi thường xuyên:	8.979.954	-
- Chi trả lãi các khoản vay:	350	-
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	56.071	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	4.336.287	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	675.719	-
- Chi trả nợ gốc:	28.309	-
<b>(4) Kết dư ngân sách địa phương (2)-(3):</b>	<b>793.328</b>	triệu đồng
- Ngân sách cấp tỉnh:	520.737	-
- Ngân sách cấp huyện:	160.502	-
- Ngân sách xã:	112.089	-
<b>(5) Quỹ dự trữ tài chính địa phương:</b>		
a. <u>Số dư đầu năm:</u>	654.826	-
b. <u>Tăng trong năm:</u>	61.354	-
- Trích bổ sung từ Ngân sách địa phương năm 2022:	56.072	-
- Lãi tiền gửi Kho bạc:	5.282	-
c. <u>Số sử dụng trong năm (giảm trong năm):</u>		-
d. <u>Số dư 31/12/2022:</u>	716.180	-

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy, tại thời điểm Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra kiểm toán nhà nước chưa có báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương chính thức năm 2022 gửi HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn (theo khoản 2 Điều 71 Luật ngân sách nhà nước); đồng thời đề nghị UBND tỉnh khi Kiểm toán nhà nước có báo cáo chính thức thì đối chiếu số liệu với báo cáo kiểm toán, nếu có chênh lệch thì báo cáo HĐND tỉnh để điều chỉnh Nghị quyết.

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình làm rõ việc các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên nhưng chỉ đạt dự toán dưới 80%, theo đó làm rõ nguyên nhân, tùy theo mức độ xử lý trách nhiệm đối với từng đơn vị.

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022" (theo Tờ trình số 3216/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm:

(1) Tờ trình số 3216/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh "Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022";

(2) Dự thảo nghị quyết "Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022";

(3) Tài liệu khác có liên quan, gồm:

- Tờ trình số 723/TTr-STC ngày 13/11/2023 của Sở Tài chính "Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022";

- Thông báo số 155/TB-HĐND ngày 25/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh "Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh đối với nội dung Tờ trình số 2809/TTr-UBND ngày 12/10/2023 của UBND tỉnh về phương án sử dụng nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 (đợt 3)".

#### 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 19<sup>1</sup> Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2022 là đúng thẩm quyền.

#### 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị: Tại trích yếu của dự thảo nghị quyết, bỏ cụm từ "bổ sung" và viết lại thành "Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2022".

<sup>1</sup> Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường: "...b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật"

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

(1) Tổng nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 thuộc ngân sách tỉnh: **31.569,995 triệu đồng**. Bao gồm những nội dung sau:

- Kinh phí thành phố Pleiku nộp trả về ngân sách tỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán: 8.223,995 triệu đồng.

- Kinh phí 10% số thu tiền sử dụng đất còn thiếu của năm 2021 để đảm bảo mức trích tối thiểu 10% theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh các huyện, thị xã, thành phố nộp về ngân sách tỉnh trong năm 2022: 7.803 triệu đồng.

- Điều chỉnh nguồn ngân sách tỉnh đã bố trí trong dự toán năm 2022 sang sử dụng nguồn chi từ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022: 15.543 triệu đồng (gồm: Kinh phí khoán bảo vệ rừng năm 2022: 6.173 triệu đồng; kinh phí giao rừng năm 2022: 7.369,983 triệu đồng; kinh phí quản lý, bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, chi hoạt động bảo tồn thiên nhiên, phòng cháy chữa cháy rừng năm 2022: 2.000,017 triệu đồng).

(2) Bổ sung cho nhiệm vụ chi: **31.569,995 triệu đồng**. Cụ thể:

- Bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập (50% theo quy định): 2.027,25 triệu đồng.

- Bố trí cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện dự án Tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai: 7.803 triệu đồng.

- Phân bổ thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản năm 2020, 2021 thành phố Pleiku nộp trả về ngân sách tỉnh để phân bổ cho các địa phương: 4.169,495 triệu đồng.

- Bố trí vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới năm 2019 để thu hồi tạm ứng đã cấp cho các huyện, thị xã nhưng do chưa thu được tiền sử dụng đất: 17.570,25 triệu đồng.

**3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

Số: 386 /BC-BKTNS

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết “Quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai” (theo Tờ trình số 3180/TTr-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo các quy định tại: khoản 2 Điều 124<sup>1</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38 Điều 1<sup>2</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, gồm:

- (1) Tờ trình số 3180/TTr-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh “*Đề nghị ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;
- (2) Dự thảo Nghị quyết “*Quy định về mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế*”

<sup>1</sup> Điều 124. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “2. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

a) Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

đ) Tài liệu khác (nếu có).”

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

<sup>2</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 124 như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này;”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này”.

tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(3) Bảng tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia góp ý;

(4) Bảng giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

(5) Bảng tổng hợp thông tin gửi lấy ý kiến tham gia đăng tải trên cổng thông tin;

(6) Công văn số 2163/STP-NV1 ngày 25/10/2023 của Sở Tư pháp “Về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(7) Công văn số 1735/STP-NV1 ngày 11/9/2023 của Sở Tư pháp “Về việc góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(8) Công văn số 1044/SNgV-VP ngày 19/9/2023 của Sở Ngoại vụ “Về việc tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh”;

(9) Tài liệu khác có liên quan: Nghị quyết số 264/NQ-HĐND ngày 08/8/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “Về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; Thông báo số 140/TB-HĐND ngày 10/8/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “Kết luận Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/8/2023”.

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27<sup>3</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 2 Điều 4<sup>4</sup> Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ “Về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế”; khoản 3 Điều 6<sup>5</sup> Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế”, việc HĐND tỉnh quyết định về mức chi cụ thể đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

## 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết.

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

<sup>3</sup> Điều 27. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

<sup>4</sup> 2. Ngân sách địa phương bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nhằm thực hiện hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

<sup>5</sup> “3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.”



Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

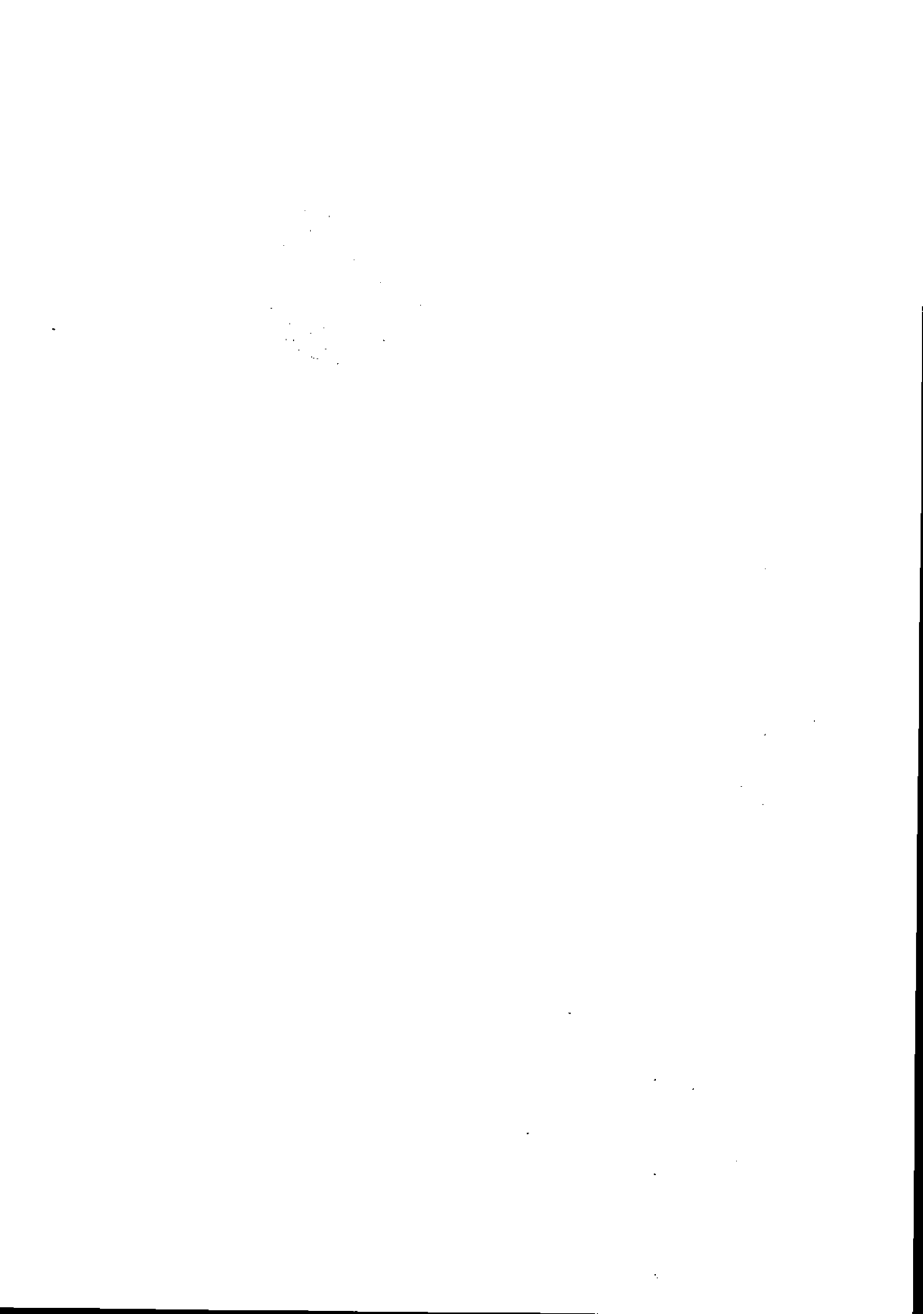
**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



*Nguyễn Đình Phương*  
**Nguyễn Đình Phương**



Số: 387 /BC-BKTNS

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết “*Quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” (theo Tờ trình số 3177/TTr-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo các quy định tại: khoản 2 Điều 124<sup>1</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38 Điều 1<sup>2</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, gồm:

(1) Tờ trình số 3177/TTr-UBND ngày 15/11/2023 “*Đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(2) Dự thảo Nghị quyết “*Quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

<sup>1</sup> Điều 124. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “2. *Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:*

a) *Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;*

b) *Dự thảo nghị quyết;*

c) *Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình;*

d) *Bàn tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;*

đ) *Tài liệu khác (nếu có)."*

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

<sup>2</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 124 như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) *Bàn tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này;*”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. *Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này*”.

(3) Bảng tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia lần 1; lần 2.

(4) Công văn số 2283/STP-NV1 ngày 09/11/2023 của Sở Tư pháp “Về việc *thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(5) Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh “*Đánh giá tác động của chính sách quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(6) Công văn số 4013/SNNPTNT-CCKL ngày 16/10/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn “*Về việc phối hợp xây dựng Đề án thu phí bình tuyến, công nhận cây me, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(7) Công văn số 2024/STP-NV3 ngày 09/10/2023 của Sở Tư pháp “*Về việc phối hợp xây dựng Đề án thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hộ tịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(8) Công văn số 3032/SKHĐT-ĐKKD ngày 13/10/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư “*Về việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh*”;

(9) Công văn số 3722/STNMT-KHTC&TK ngày 13/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường “*Về việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(10) Công văn số 2314/SXD-QLQH ngày 17/10/2023 của Sở Xây dựng “*Về việc phối hợp xây dựng Nghị quyết quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(11) Công văn số 1878/ĐA-SLĐTBXH ngày 13/10/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội “*Thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(12) Tài liệu khác có liên quan: Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 23/8/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “*Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”; Thông báo số 142/TB-HĐND ngày 23/8/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “*Kết luận Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 22/8/2023*”; Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh “*Đánh giá tác động của chính sách quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”.

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27<sup>3</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 2 Điều 4<sup>4</sup>, khoản 1 Điều 21<sup>5</sup>

<sup>3</sup> Điều 27. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

<sup>4</sup> Khoản 2 Điều 4 quy định danh mục, thẩm quyền quy định phí và lệ phí: “2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí”.

<sup>5</sup> Khoản 1 Điều 21 quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh: “1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.

và khoản 1 Điều 22<sup>6</sup> Luật phí và lệ phí; điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 Nguyên tắc xác định mức thu)”<sup>7</sup>, việc HĐND tỉnh quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

### 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT, KTNS.

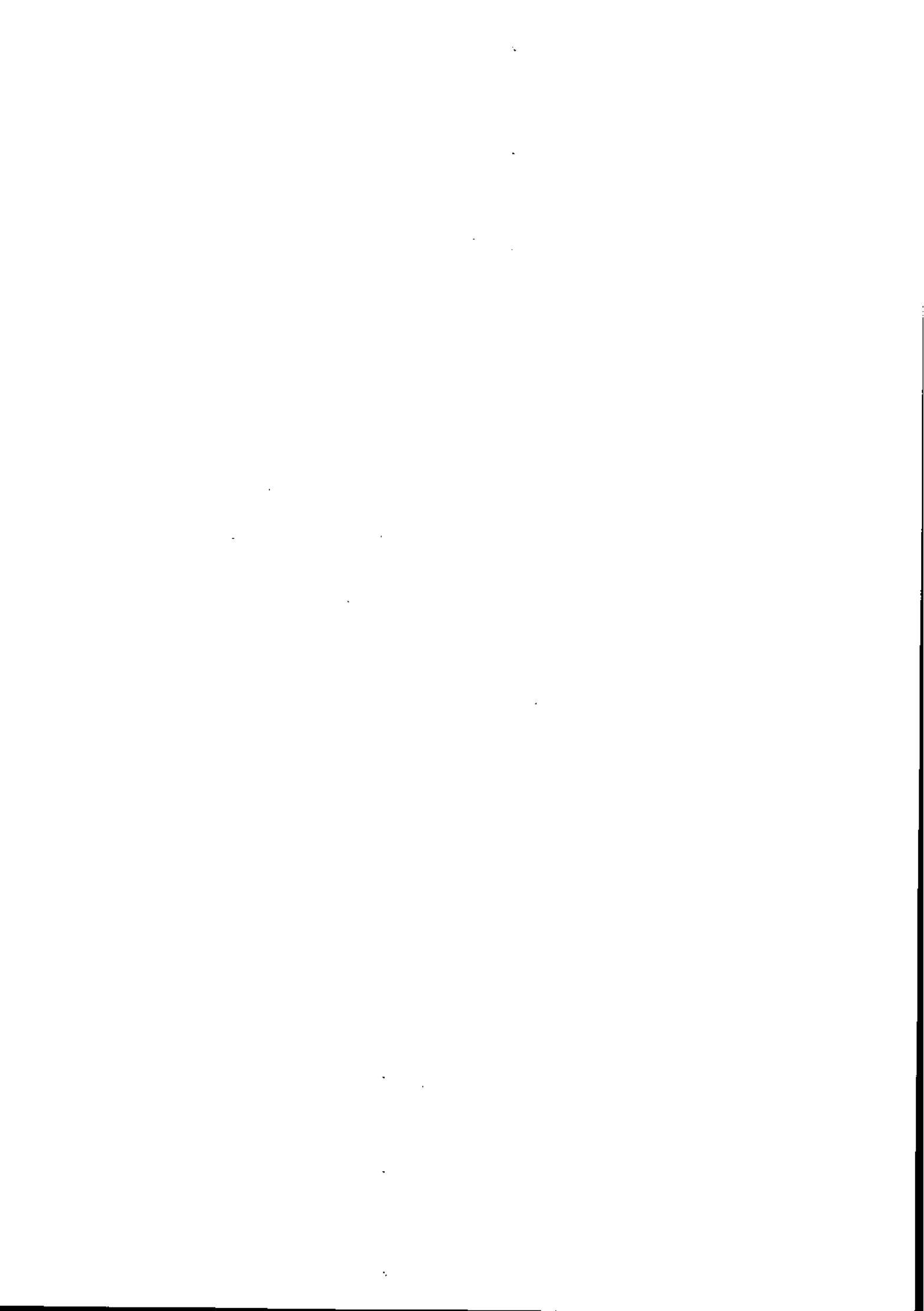
**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>6</sup> Khoản 1 Điều 22 quy định thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.

<sup>7</sup> Tại điểm b khoản 2 Điều 1 quy định: “b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến”



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI  
Số: 388/BC- BKTNS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm,  
chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh **“Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Gia Lai”** và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**1. Về hồ sơ**

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm: Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh **“Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Gia Lai”** (Kèm theo 03 Phụ lục).

**2. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Khoản 1 Điều 59<sup>1</sup> Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015, việc HĐND tỉnh xem xét báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền quy định.

**3. Về nội dung báo cáo**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Gia Lai như Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh.

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các sở, ban, ngành và địa phương đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 theo quy định; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra;... Qua đó, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết

<sup>1</sup> Điều 59. Xem xét báo cáo

1. Hội đồng nhân dân xem xét các báo cáo sau đây: "...c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân về kinh tế - xã hội; báo cáo của Ủy ban nhân dân về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; báo cáo của Ủy ban nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo của Ủy ban nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo của Ủy ban nhân dân về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; báo cáo của Ủy ban nhân dân về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri”

quả đáng khích lệ như: Tổng số kinh phí đã tiết kiệm được ước thực hiện trong năm 2023 là 499,690 tỷ đồng, có một số khoản tiết kiệm tương đối lớn như: Thực hành tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là: 458,532 tỷ đồng; thực hành tiết kiệm trong đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng là: 30,663 tỷ đồng; ....

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân UBND tỉnh đã đề cập trong báo cáo. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Về công tác thanh tra, kiểm tra được nêu tại Báo cáo số 249/BC-UBND:

+ Tại cấp tỉnh: UBND tỉnh chỉ báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra tại 04 Sở (Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Xây dựng), công tác thanh tra, kiểm tra tại các sở, ngành khác chưa cập nhật đầy đủ.

+ Tại cấp huyện: Báo cáo chỉ mới đánh giá công tác thanh tra, kiểm tra tại 07/17 địa phương (UBND các huyện: Phú Thiện, Chư Sê, Đức Cơ, Đak Đoa, Kông Chro, thị xã An Khê và thành phố Pleiku), chưa cập nhật đầy đủ 17 huyện, thị xã, thành phố.

- Về kết quả đạt được trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023: UBND tỉnh báo cáo một số tồn tại, nguyên nhân và đề ra giải pháp còn chung chung, chưa cụ thể đối với từng lĩnh vực<sup>2</sup>. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung các tồn tại, bất cập, xác định nguyên nhân và đề ra giải pháp thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với từng lĩnh vực cụ thể.

- Về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của các đơn vị sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố: UBND tỉnh chưa cập nhật báo cáo của UBND huyện Ia Pa<sup>3</sup> và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Thanh tra tỉnh trong năm 2023. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh yêu cầu UBND tỉnh tiếp tục chấn chỉnh các đơn vị, địa phương trong công tác xây dựng báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm theo quy định.

Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị đại biểu HĐND tỉnh thảo luận tại Kỳ họp về nội dung kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của các đơn vị sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố trong một số lĩnh vực, như: Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên (quản lý, sử dụng đất; quản lý, sử dụng khoáng sản và tài nguyên khác); đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; quản lý, sử dụng vốn

<sup>2</sup> Trong việc: (1) Ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; (2) Lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2023; (3) Mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước; (4) Xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công cộng; (5) Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; (6) Tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước; (7) Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; (8) Hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

<sup>3</sup> Lý do: Báo cáo của đơn vị gửi đến Kho bạc Nhà nước chậm so với thời gian quy định.



và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; ....

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

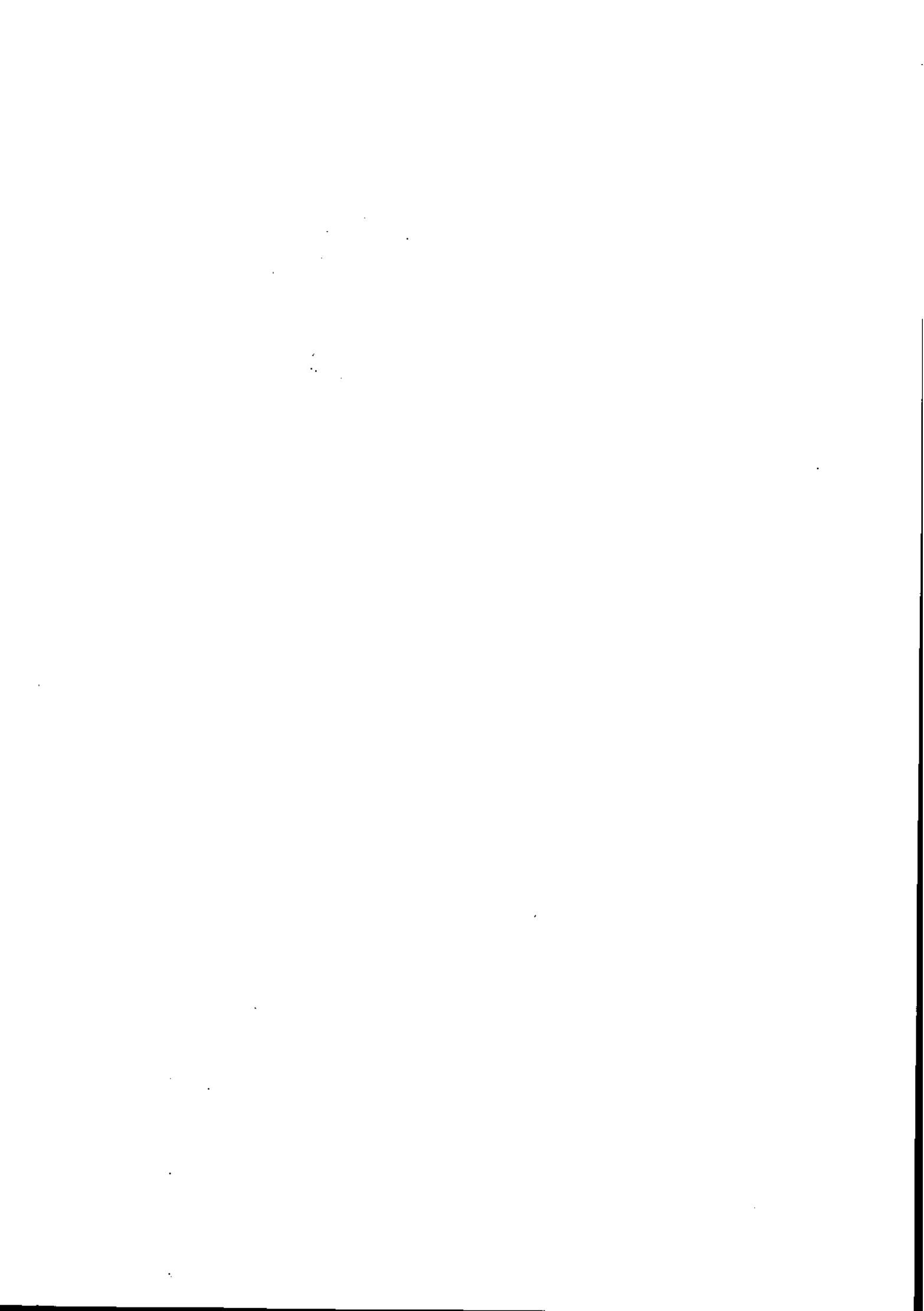
**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**



## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "**Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**" (theo Tờ trình số 3185/TTr-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo các quy định tại: khoản 2 Điều 124<sup>1</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38 Điều 1<sup>2</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, gồm:

(1) Tờ trình số 3185/TTr-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh "**Đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh**

<sup>1</sup> Điều 124. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "2. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

a) Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

đ) Tài liệu khác (nếu có)."

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

<sup>2</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 124 như sau:

"a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này;"

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này".

thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(3) Văn bản số 2119/STP-NV1 ngày 19/10/2023 của Sở Tư pháp “Về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(4) Văn bản số 681/TTr-STC ngày 27/10/2023 của Sở Tài chính “Đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(5) Bảng tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia (02 lần);

(6) Tài liệu khác có liên quan: Nghị quyết số 263/NQ-HĐND ngày 08/8/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; Thông báo số 140/TB-HĐND ngày 10/8/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “Kết luận Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/8/2023”.

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27<sup>3</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ “Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1<sup>4</sup> Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ), việc HĐND tỉnh quyết định quy mô, bố trí ngân sách cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

## 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết.

## 4. Về thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết

<sup>3</sup> Điều 27. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

<sup>4</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: “b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy mô, bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách nhà nước và quản lý vốn tín dụng chính sách”.

Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bỏ cụm từ “*đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025*” và viết lại thành như sau: “*...Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.*”.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**



## BÁO CÁO

### **Thẩm tra Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung Báo cáo số 250/BC-HĐND ngày 18/11/2023 **“Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024”** và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm: Báo cáo số 250/BC-HĐND ngày 18/11/2023 **“Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024”**.

#### **2. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Khoản 1 Điều 59<sup>1</sup> Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015, việc HĐND tỉnh xem xét báo cáo của UBND tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 là đúng quy định.

#### **3. Về nội dung Báo cáo**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 như Báo cáo UBND tỉnh trình. Cụ thể:

##### **(1) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023**

###### **(1.1) Tình hình thực hiện dự toán thu**

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 5.230 tỷ đồng, đạt 96,3% so với dự toán Trung ương giao, đạt 88,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao (giảm 8% so với cùng kỳ). Trong đó, thu nội địa ước thực hiện 5.190 tỷ đồng, đạt 96,3% so với dự toán Trung ương giao, đạt 91,7% so với dự toán HĐND tỉnh giao (giảm 8,1% so với cùng kỳ). Có 11/16 khoản thu đạt và vượt dự toán<sup>2</sup>; 05/16 khoản thu

<sup>1</sup> Điều 59. Xem xét báo cáo

1. Hội đồng nhân dân xem xét các báo cáo sau đây: “...c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân về kinh tế - xã hội; báo cáo của Ủy ban nhân dân về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; báo cáo của Ủy ban nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo của Ủy ban nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo của Ủy ban nhân dân về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; báo cáo của Ủy ban nhân dân về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri”

<sup>2</sup> Gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khoản thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế thu nhập cá

không đạt dự toán<sup>3</sup>, trong đó, có khoản thu tiền sử dụng không đạt (ước thực hiện 850 tỷ đồng, đạt 63% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 16,5% so với cùng kỳ) đã gây ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh (nguyên nhân các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất của tỉnh chưa triển khai nên tiền sử dụng đất không đảm bảo so với dự toán được giao (dự toán tiền sử dụng đất cấp tỉnh giao 570 tỷ đồng)).

Đối với thu ngân sách nhà nước của các huyện, thị xã, thành phố:

- *Thu kể cả tiền sử dụng đất*: Có 12/17 huyện, thị xã, thành phố thu đạt, vượt dự toán đề ra<sup>4</sup>, trong đó có 09/12 đơn vị thu đạt cao so với dự toán được giao<sup>5</sup>; 05/17 huyện và Văn phòng Cục thuế tỉnh chưa đạt tiến độ<sup>6</sup>.

- *Thu không kể tiền sử dụng đất*: Có 10/17 huyện, thị xã, thành phố thu đạt, vượt dự toán đề ra<sup>7</sup>, trong đó có 10/10 đơn vị thu đạt từ 100% trở lên<sup>8</sup>; 07/17 huyện và Văn phòng Cục thuế tỉnh chưa đạt tiến độ<sup>9</sup>.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy, trong năm 2023, với sự nỗ lực của ngành thuế thực hiện công tác quản lý nợ thuế trên địa bàn tỉnh có chiều hướng tích cực, nhất là tổng nợ thuế toàn ngành, dự ước đến ngày 31/12/2023, tổng nợ thuế toàn ngành là 440 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ 31/12/2022 là 120 tỷ đồng (tương ứng giảm 21,4%).

### **(1.2) Tình hình thực hiện dự toán chi**

Chi ngân sách địa phương ước đạt 15.224,05 tỷ đồng, đạt 99% so với dự toán Trung ương giao, đạt 96,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 21,7% so với cùng kỳ. Trong đó, có các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện 1.890,1 tỷ đồng, đạt 85% so với dự toán Trung ương giao, chỉ đạt 78,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao (giảm 39,1% so với cùng kỳ).

Riêng đối với thực hiện dự toán chi các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ do ngân sách Trung ương bổ sung: Tại Báo cáo số 250/BC-UBND, UBND tỉnh báo cáo đạt 95,9% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao; tuy nhiên, UBND tỉnh báo cáo số lũy kế, không phải số liệu thực hiện dự toán trong năm 2023.

nhân; thu phí, lệ phí; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thu từ xổ số kiến thiết; thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện và các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý.

<sup>3</sup> Gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương; lệ phí trước bạ; thuế bảo vệ môi trường; thu tiền sử dụng đất và thu tiền thuê mặt đất, mặt nước.

<sup>4</sup> Gồm: Huyện Chư Păh 182,3%; huyện Mang Yang 146,3%; huyện Phú Thiện 146,2%; huyện Ia Grai 128,9%; huyện Krông Pa 117,5%; huyện Kông Chro 115,4%; huyện Ia Pa 109,3%; huyện Đak Pơ 101,1%; huyện Đức Cơ 100,9%; huyện Kbang 100,8%; huyện Đak Đoa 100%; huyện Chư Prông 100%.

<sup>5</sup> Huyện Chư Păh, huyện Mang Yang, huyện Phú Thiện, huyện Ia Grai, huyện Krông Pa, huyện Kông Chro, huyện Ia Pa, huyện Đak Pơ, huyện Đức Cơ.

<sup>6</sup> Gồm: Văn phòng Cục thuế 94,5%; huyện Chư Păh 69,2%; thị xã Ayun Pa 95%; thành phố Pleiku 68,9%; huyện Chư Sê 67,3%; thị xã An Khê 65,1%.

<sup>7</sup> Gồm: Huyện Chư Păh 150,3%; huyện Mang Yang 130,3%; huyện Ia Pa 114,2%; huyện Phú Thiện 112,4%; huyện Krông Pa 106,9%; huyện Chư Prông 104%; huyện Chư Păh 103,2%; huyện Đức Cơ 102,6%; thành phố Pleiku 100,7%; huyện Đak Đoa 100%.

<sup>8</sup> Gồm: Huyện Chư Păh, huyện Mang Yang, huyện Ia Pa, huyện Phú Thiện, huyện Krông Pa, huyện Chư Prông; huyện Chư Păh, huyện Đức Cơ, thành phố Pleiku.

<sup>9</sup> Gồm: Văn phòng Cục thuế 94,5%; Huyện Ia Grai 98,3%; huyện Kông Chro 95%; thị xã AyunPa 90,9%; huyện Đak Pơ 90,4%; thị xã An Khê 89,1%; huyện Kbang 88,9%; huyện Chư Sê 83,2%.



Đối với thực hiện chi ngân sách địa phương của các huyện, thị xã, thành phố năm 2023: Có 11/17 huyện, thị xã, thành phố chi đạt, vượt dự toán giao<sup>10</sup>; có 06/17 huyện, thị xã, thành phố chi chưa đạt dự toán giao<sup>11</sup>.

**(2) Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh đến ngày 31/10/2023**

Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh được sử dụng năm 2023 là 117.110,8 triệu đồng<sup>12</sup>. Số đã chi dự phòng ngân sách tỉnh đến ngày 31/10/2023: 43.749,5 triệu đồng.

**(3) Tình hình sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 ngân sách tỉnh; nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 ngân sách tỉnh**

Tại Báo cáo số 250/BC-UBND, UBND tỉnh báo cáo nguồn tăng thu ngân sách tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao (*đã loại trừ thu Xổ số kiến thiết và một số khoản thu theo quy định*) là: 345.658 triệu đồng, tổng nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 thuộc ngân sách tỉnh là: 221.466,8 triệu đồng. Tuy nhiên, UBND tỉnh chưa đánh giá tình hình thực hiện nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 ngân sách tỉnh; nguồn kinh phí còn lại sau khi Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phương án sử dụng.

\* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị: Từ năm 2024 trở đi, UBND tỉnh xây dựng dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh, nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định tại các Kỳ họp thường lệ hằng năm của HĐND tỉnh.

**(4) Tình hình thực hiện khắc phục**

Tại Báo cáo số 250/BC-UBND, UBND tỉnh chỉ báo cáo tình hình thực hiện khắc phục đối với các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, chưa báo cáo tình hình thực hiện khắc phục đối với các kiến nghị của Thanh tra tỉnh, do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung này vào Báo cáo.

**(5) Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 như Báo cáo UBND tỉnh trình. Cụ thể:

* <b>Tổng thu ngân sách cấp tỉnh:</b>	<b>16.171.546</b>	<b>triệu đồng</b>
- Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp:	5.394.300	-
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	9.976.695	-
* <b>Tổng chi ngân sách địa phương:</b>	<b>16.176.146</b>	<b>triệu đồng</b>
- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	13.648.323	-
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:	2.527.823	-

<sup>10</sup> Huyện Ia Pa 143,4%; huyện Đak Pơ 137,9%; huyện Ia Grai 135,2%; huyện Kông Chro 133,3%; huyện Chư Păh 130,8%; huyện Chư Prông 116,7%; huyện Krông Pa 116,5%; huyện Đak Đoa 116,2%; huyện Đăk Cơ 110,9%; huyện Chư Pưh 108%; huyện Phú Thiện 107,8%.

<sup>11</sup> Huyện Kbang 98,4%; thị xã Ayun Pa 97,2%; huyện Chư Sê 94,7%; thành phố Pleiku 94,6%; thị xã An Khê 88,7%; huyện Mang Yang 83,8%.

<sup>12</sup> Nguồn dự phòng bố trí đầu năm 2023 là 114.752 trđ; Bổ sung nguồn dự phòng từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2023 là 2.358,82 trđ

**\* Bội chi ngân sách tỉnh:****4.600 triệu đồng**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy việc UBND tỉnh xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 là đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Kế hoạch Tài chính 05 năm 2021-2025 của địa phương, Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh "Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai", Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2024-2026".

**(6) Về giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2024**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với những giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách do UBND tỉnh đã đề ra, năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế nước ta nói chung và địa phương nói riêng, dự báo địa phương vẫn phải đối mặt với nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến số thu<sup>13</sup>, Ban đề nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh tập trung phân tích các khó khăn, tồn tại, chỉ ra nguyên nhân (nhất là các nguyên nhân dẫn đến nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt) để đưa ra các giải pháp khắc phục cụ thể và có sự chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm 2024.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>13</sup> Gồm: (1) Nghị quyết 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của UBTVQH về giảm mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, ước giảm 40 tỷ đồng; (2) Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2023 áp dụng đối với một số nhóm hàng hóa dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%, ước giảm 20 tỷ đồng; (3) Thực hiện giảm 30% tiền thuê đất theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 30/10/2023, ước giảm thu 20 tỷ đồng (năm 2023 là 30 tỷ đồng); (4) Dự kiến tiếp tục ban hành chính sách giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2023 áp dụng đối với một số nhóm hàng hóa dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%, ước giảm 220 tỷ đồng; (5) Dự kiến tiếp tục ban hành chính sách giảm thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, ước giảm 410 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

TỈNH GIA LAI

Số: 391/BC- BKTNS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Đề chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai” (theo Tờ trình số 3232/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm:

(1) Tờ trình số 3232/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(3) Tài liệu khác có liên quan: Tờ trình, báo cáo của các địa phương<sup>1</sup> về danh mục, công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2024.

### 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1, Điều 58<sup>2</sup> Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền.

### 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

3.1. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2024 trên địa

<sup>1</sup> Các huyện: Kông Chro, Đak Pơ, Chư Puh, Phú Thiện, Ia Grai, thị xã Ayun Pa và thành phố Pleiku.

<sup>2</sup> Điều 58. Điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

1. Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: “b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.

bàn tính: Tổng số 07 công trình, dự án với diện tích 4,13 ha (trên tổng số 09 công trình, dự án với diện tích 4,26 ha do UBND tỉnh trình). Cụ thể như sau:

- (1) Huyện Kông Chro: 01 công trình, dự án với diện tích 0,84 ha.
- (2) Huyện Đăk Pơ: 01 công trình, dự án với diện tích 0,66 ha.
- (3) Thị xã Ayun Pa: 01 công trình, dự án với diện tích 0,03 ha.
- (4) Huyện Chư Pưh: 01 công trình, dự án với diện tích 0,50 ha.
- (5) Huyện Phú Thiện: 02 công trình, dự án với diện tích 1,60 ha.
- (6) Huyện Ia Grai: 01 công trình, dự án với diện tích 0,50 ha.

**3.2. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh tạm thời chưa thống nhất các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn huyện Phú Thiện: Tổng số 02 công trình, dự án với diện tích 0,13 ha. Cụ thể như sau:**

- (1) Trụ sở làm việc Công an xã Ia Piar, xã Ia Piar: Diện tích 0,11 ha.
- (2) Trụ sở làm việc Công an xã Ia Peng, xã Ia Peng: Diện tích 0,02 ha.

Lý do: Các công trình, dự án trên chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định phê duyệt dự án, do đó, chưa đảm bảo các điều kiện để thu hồi đất thực hiện trong năm 2024, trình HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp lần này theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 9<sup>3</sup> Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai”.

\* Ngoài ra, đối với dự án Đường quy hoạch mở rộng thị trấn về phía Bắc (Đường Hoàng Hoa Thám nối dài và tuyến 02 đường từ đường Đinh Tiên Hoàng đến thôn Thảng Trạch 2), thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung nội dung tại cột Hiện trạng - Bảng biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết; đồng thời, thực hiện thu hồi đất thực hiện dự án, khi đủ điều kiện mới được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

**3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.**

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>3</sup> Điều 9. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

4. Trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện: “...đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”

Số: 392/BC-BKTNS

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết “Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương” (theo Tờ trình số 3229/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Hồ sơ UBND tỉnh trình gồm:**

(1) Tờ trình số 3229/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương” (kèm theo các Biểu<sup>1</sup>, Phụ lục<sup>2</sup>).

<sup>1</sup> Biểu 1 “Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Gia Lai”;

Biểu 2 “Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024”;

Biểu 3 “Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024”;

Biểu 4 “Kế hoạch đầu tư thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (vốn đầu tư phát triển)”;

Biểu 5 “Danh mục các dự án đầu tư kéo dài thời gian khởi công, hoàn thành sang năm 2024”.

<sup>2</sup> Phụ lục 1 “Kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố đầu tư năm 2024”;

Phụ lục 2 “Dự kiến kế hoạch tiền sử dụng đất năm 2024”;

Phụ lục 3 “Kế hoạch đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 do hụt thu phân bổ năm 2024”;

Phụ lục 4 “Danh mục chuẩn bị đầu tư nguồn tiền sử dụng đất năm 2023 hụt thu, giảm vốn năm 2023 và bố trí năm 2024”;

Phụ lục 4.1 “Phân bổ vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024 (vốn đầu tư phát triển)”;

Phụ lục 4.2 “Kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn đầu tư phát triển)”.

Phụ lục 5 “Danh mục xử lý các dự án hụt thu năm 2019, 2020 nguồn tiền sử dụng đất, giảm vốn năm 2023 và bố trí năm 2024”;

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 2 Điều 63<sup>3</sup>, khoản 3 Điều 83<sup>4</sup> Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương là đúng thẩm quyền.

## 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

\* Về danh mục các dự án tăng, giảm so với Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh “Về dự kiến đầu tư công năm 2024” như sau:

(1) Vốn ngân sách địa phương

(1.1) Vốn trong cân đối theo tiêu chí

Danh mục các dự án tăng, giảm so với dự kiến kế hoạch năm 2024 HĐND tỉnh đã cho ý kiến tại Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh:

- Danh mục giảm: Dự án “Hiện đại hóa thùy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai”, vay vốn ADB chưa ký hiệp định nên Trung ương chưa phân bổ vốn vì vậy chưa bố trí vốn đối ứng.

- Danh mục các dự án tăng: gồm 02 danh mục dự án khởi công mới, gồm:

+ Hỗ trợ vốn cho Quỹ phát triển Hợp tác xã (17 tỷ đồng). Lý do: Thực hiện theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận cơ cấu tổ chức và tăng vốn điều lệ quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Gia Lai lên 20 tỷ đồng (tăng 17 tỷ đồng).

+ Vốn chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030: 05 tỷ đồng. Lý do: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại khoản 1, Mục II của Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(1.2) Tiền sử dụng đất: Danh mục dự án tăng:

- Danh mục xử lý hụt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án đầu tư năm 2019 - 2020 (năm 2023 không có nguồn phải bố trí lại năm 2024).

- Bổ sung nguồn vốn kết dư năm 2023 là 46,337 tỷ đồng, bố trí tiền hụt thu dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính là 26,264 tỷ đồng và chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính là 20,073 tỷ đồng.

(1.3) Xổ số kiến thiết:

Danh mục dự án tăng: Đầu tư xây dựng 08 Dự án Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự 27 tỷ đồng. Lý do: Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã có văn

<sup>3</sup> 2. Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

<sup>4</sup> 3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

bản trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề xuất nguồn vốn và chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự.

Dự án chỉ được giao vốn năm 2024 khi được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và có Quyết định phê duyệt dự án theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Luật Đầu tư công (08 dự án trên chưa được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chưa có Quyết định phê duyệt dự án).

## (2) Ngân sách trung ương

### (2.1) Vốn trong nước

- Danh mục các dự án giảm: gồm 02 danh mục, gồm:

+ Đường giao thông kết nối các xã Ia Mlah, Phú Cần và thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Lý do: Kế hoạch năm 2023 đã điều chỉnh bố trí đủ vốn hoàn thành dự án năm 2023 tại Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh (56,790 tỷ đồng).

+ Đường vành đai 1 (Quốc lộ 25 - cầu Ia Hiao) thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Lý do: Dự án phải điều chỉnh quy hoạch, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo đánh giá tác động môi trường, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi đất lúa trên 10 ha, Chủ đầu tư báo cáo đến cuối năm 2024 mới hoàn thành thủ tục nên không đề xuất bố trí vốn năm 2024.

- Danh mục các dự án tăng: Dự án phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thượng Đạo). Lý do: Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn tại Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023; tại thời điểm HĐND tỉnh cho ý kiến về dự kiến đầu tư công năm 2024 chưa có danh mục và mức vốn của dự án; vì vậy, Kế hoạch lần này đề nghị bổ sung danh mục dự án để triển khai năm 2024 (15,177 tỷ đồng).

### (2.2) Vốn nước ngoài

- Danh mục tăng: Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: tăng 36,267 tỷ đồng để đầu tư cho các trạm y tế vùng khó khăn.

- Danh mục giảm: Dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai”, vay vốn ADB. Lý do: Dự án chưa ký hiệp định vay vốn, khi ký xong hiệp định, Trung ương sẽ bổ sung vốn cho dự án.

#### \* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

- **Đối với các dự án chưa đủ điều kiện giao vốn, chưa có quyết định phê duyệt dự án theo Điều 53<sup>5</sup> Luật Đầu tư công, gồm các dự án:** Dự án Ứng dụng

<sup>5</sup> Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm:

1. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp.

2. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số; Đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi; Trung tâm y tế huyện Kbang; Xây dựng bệnh viện 331; Xây dựng hệ thống Elearning (học trực tuyến) UBND tỉnh chưa có báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nên chưa bố trí vốn; Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự<sup>6</sup>; Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh; Dự án Phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thượng Đạo); Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh; Xây dựng các hồ chứa nước và hoàn thiện thống kênh mương thủy lợi; Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai; Chương trình đầu tư phát triển y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai (vốn nước ngoài - Sở Y tế làm chủ đầu tư); Dự án Xây dựng thí điểm mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện (chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới); Sở Giáo dục và Đào tạo (thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi). **Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chưa thống nhất giao vốn trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 lần này, đề nghị HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định và cho phép UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao vốn cho từng dự án khi đủ điều kiện.**

- Đối với dự án bảo vệ và phát triển rừng: Đề nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh báo cáo thuyết minh, giải trình làm rõ việc đề xuất bố trí vốn năm 2024 là 19 tỷ đồng để thực hiện nội dung gì trong dự án? Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị nếu dự án có thực hiện trồng rừng thì cần có giải pháp thực hiện để đảm bảo mục tiêu của dự án.

\* Qua quá trình thảo luận, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương; trong đó:

- **Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia là: 2.394,25 tỷ đồng**

<sup>6</sup> 1. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự các xã: Ia Rсай, Uar và Chư Đrăng, huyện Krông Pa;

2. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự tại Thị trấn Kon Dong và xã H'ra, huyện Mang Yang;

3. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự các xã: Ia Bàng, Đak Krong và Kon Gang, huyện Đak Đoa;

4. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự các xã: Ia Piar và Chroh Ponan, huyện Phú Thiện;

5. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự các xã: H'bông, Bar Măih, Ia Ko và Ia Tiem, huyện Chư Sê;

6. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự tại thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ;

7. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự tại xã Ia Pior, huyện Chư Prông;

8. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự tại thị trấn Ia Kha, xã Ia Krai, huyện Ia Grai.



(Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 903,813 tỷ đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.296,337 tỷ đồng; Xổ số kiến thiết: 189,5 tỷ đồng; Bộ chi ngân sách: 4,6 tỷ đồng).

- **Thống nhất phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương là: 1.727,587 tỷ đồng** (Vốn trong nước: 1.691,32 tỷ đồng; Vốn nước ngoài đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 36,267 tỷ đồng).

- **Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn cân đối với các dự án nguồn ngân sách địa phương sang năm 2024: 07 dự án cấp tỉnh quản lý và 04 dự án cấp huyện quản lý<sup>7</sup>.**

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>7</sup> Các dự án tỉnh quản lý (Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê tỉnh Gia Lai; đường Lê Đại Hành (đoạn từ Vạn Kiếp-Ngã tư Biên Hồ) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; đường giao thông kết nối thị trấn Chư ty đến xã Ia Dơk, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ; Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa; xây dựng hệ thống Elearning (học trực tuyến); đường phía Đông thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai). Các dự án huyện, thị xã, thành phố quản lý: Hạ tầng giao khu đô thị An Tân, hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước; Hạ tầng khu đô thị An Tân, hạng mục: San nền, hệ thống điện, nước; Quảng trường huyện Chư Prông; Công viên cây xanh ven hồ thị trấn Chư Prông.



## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết "*Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*" (theo Tờ trình số 3239/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo các quy định tại: khoản 2 Điều 124<sup>1</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38 Điều 1<sup>2</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, gồm:

(1) Tờ trình số 3239/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh dự

<sup>1</sup> Điều 124. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "2. *Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:*

a) *Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;*

b) *Dự thảo nghị quyết;*

c) *Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình;*

d) *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;*

đ) *Tài liệu khác (nếu có)."*

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

<sup>2</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 124 như sau:

"a) *Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:*

"đ) *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này;"*

b) *Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:*

"2a. *Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này"*.

thảo nghị quyết “*Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(2) Dự thảo nghị quyết “*Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”;

(3) Công văn số 1965/STP-NV1 ngày 05/10/2023 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo nghị quyết “*Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” lần 2;

(4) Phụ lục I: Bảng giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định tại văn bản số 1965/STP-NV1 ngày 05/10/2023 của Sở Tư pháp.

(5) Phụ lục II: Bảng tổng hợp, giải thích, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan tổ chức, cá nhân.

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 1 Điều 14<sup>3</sup> Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*”; việc HĐND tỉnh quyết định cụ thể nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

## 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất đề nghị HĐND tỉnh quyết định cụ thể nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nội dung chi: “*Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, lễ bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan)*”, đề nghị UBND tỉnh xác định cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn kinh phí của địa phương tổ chức sự kiện và ghi lại nội dung cụ thể, không dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 45/2019/TT-BTC ngày

<sup>3</sup> “1. Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 844 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Đề án 844 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Đề án 844 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các nội dung và mức chi đảm bảo phù hợp”.

19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*”.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 2 đề nghị bổ sung cụm từ “*Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ*” và viết lại như sau: “*Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ*”.

Đồng thời, đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm “một phần” chi thường xuyên đề nghị UBND tỉnh làm rõ cụm từ “một phần” là bao nhiêu và nghiên cứu phân loại thành 02 mức để nhà nước hỗ trợ tương ứng là 60% và 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh báo cáo thuyết minh, làm rõ nội dung: Về xác định mức hỗ trợ: tại điểm a khoản 3 Điều 2 “*Hỗ trợ 30% tổng mức kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo*”; tại điểm a khoản 6 Điều 2 “*Hỗ trợ 50% kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp (Thời gian hỗ trợ: 01 năm/doanh nghiệp; Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: 05 doanh nghiệp/năm)*”. (Tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 10 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định “*Hỗ trợ một phần kinh phí*”).

- Đối với khoản 7 Điều 2, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị không quy định các nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý hoạt động chung của Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Ban hành kế hoạch triển khai Đề án “*Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, qua quá trình thẩm tra, các thành viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị: Đây là một trong những nhiệm vụ UBND tỉnh phải thực hiện nên không nhất thiết phải quy định nội dung này, trường hợp UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi để phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung, đề nghị phải bổ sung báo cáo thuyết minh làm rõ lý do.

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



*Nguyễn Đình Phương*  
**Nguyễn Đình Phương**

## BÁO CÁO

### Thẩm tra Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2022

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các Báo cáo do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh “*Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2022*” và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng Báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

Căn cứ Điều 30 Luật Kế toán năm 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về báo cáo tài chính nhà nước, UBND tỉnh lập báo cáo Tài chính Nhà nước và trình HĐND tỉnh là đúng quy định. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2022 của UBND tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy:

#### 1. Tình hình tài chính nhà nước của tỉnh Gia Lai năm 2022

a. Tổng tài sản nhà nước năm 2022 là: 72.396,543 tỷ đồng, tăng 4.855,733 tỷ đồng (tăng 7,19% so với năm 2021); trong đó, tài sản của nhà nước ở cấp tỉnh là 25.900 tỷ đồng, chiếm 35,77% tổng giá trị tài sản và tài sản của nhà nước ở cấp huyện, thị xã và thành phố là 46.497 tỷ đồng, chiếm 64,22% tổng giá trị tài sản.

b. Tổng nợ phải trả năm 2022 của tỉnh là 2.322 tỷ đồng, tăng 253,239 tỷ đồng (tăng 12,24% so với năm 2021), trong đó nợ phải trả của nhà nước ở cấp tỉnh là 2.097 tỷ đồng, chiếm 90,31% tổng giá trị nợ phải trả và nợ phải trả của nhà nước ở cấp huyện, thị xã và thành phố là 225 tỷ đồng, chiếm 9,69% tổng giá trị nợ phải trả.

c. Tổng nguồn vốn của nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2022: là 70.074 tỷ đồng, tăng 4.602 tỷ đồng (tăng 7,03% so với năm 2021); trong đó, nguồn vốn hình thành tài sản là 9.341 tỷ đồng, chiếm 13,33% tổng nguồn vốn nhà nước; thặng dư lũy kế là 60.287 tỷ đồng, chiếm 86,03% tổng nguồn vốn của nhà nước; nguồn vốn khác là 446 tỷ đồng, chiếm 0,64% tổng nguồn vốn của nhà nước.

#### 2. Kết quả hoạt động tài chính nhà nước của tỉnh Gia Lai năm 2022

- Tổng thu nhập của nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh là 16.866,153 tỷ đồng, tăng là 2.042,631 tỷ đồng (tăng 13,78% so với năm 2021); trong đó: tổng thu

thuộc ngân sách nhà nước là 15.681 tỷ đồng, tương đương 92,97% tổng thu của nhà nước; tổng thu không thuộc ngân sách nhà nước là 1.186 tỷ đồng, chiếm 7,03% tổng thu của nhà nước.

- Tổng chi của nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh là 11.920,291 tỷ đồng, giảm 521,037 tỷ đồng (giảm 4,19% so với năm 2021), trong đó chi phí nhà nước từ nguồn ngân sách nhà nước là 10.637 tỷ đồng, tương đương 89,23% tổng chi của nhà nước; chi phí từ nguồn ngoài nhà nước là 1.283 tỷ đồng, tương đương 10,77% tổng chi của nhà nước.

- Thặng dư tài chính của nhà nước là 4.945,862 tỷ đồng, tăng 2.563,668 tỷ đồng (tăng 107,62% so với năm 2021), trong đó:

+ Thặng dư trong ngân sách nhà nước năm 2022 là 5.044 tỷ đồng, chiếm 102% thặng dư của khu vực nhà nước.

+ Thặng dư ngoài ngân sách nhà nước năm 2022 là -98 tỷ đồng, chiếm -2% thặng dư của khu vực nhà nước.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy Báo cáo tài chính nhà nước năm 2022 còn một số nội dung tồn tại như sau: Tổng tài sản nhà nước năm 2022 UBND tỉnh chưa tổng hợp hết các tài sản của nhà nước bao gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sông, thủy lợi, đê điều,... (trong đó chưa bao gồm cả phần đã giao cho doanh nghiệp quản lý, sử dụng và khai thác); đất đai chưa giao quyền sử dụng; tài nguyên rừng; tài sản có giá trị lịch sử, văn hóa như di sản, di tích lịch sử, hiện vật trưng bày;....theo quy định.

\* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo đầy đủ các loại tài sản theo quy định để tổng hợp đầy đủ số liệu tổng tài sản nhà nước và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện quyết toán các nguồn vốn xây dựng cơ bản đúng quy định, kịp thời để cập nhật số liệu tổng tài sản nhà nước trong những năm tiếp theo.

- UBND tỉnh báo cáo, giải trình làm rõ tổng nợ phải trả năm 2022 là 2.322 tỷ đồng (trong đó cung cấp danh sách các cơ quan, đơn vị, địa phương nợ và nội dung các khoản nợ). Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo xử lý số nợ phải trả năm 2022.

Đồng thời, tại Báo cáo số 224/BC-HĐND ngày 29/11/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trình HĐND kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XII, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo và xem xét đối với những định hướng và đề xuất; trong báo cáo tài chính cần nói rõ thêm một số tài sản chưa được tính như: Các mỏ khai thác, một số công trình, nguyên nhân các biến động...; tuyên truyền, phổ biến nội dung Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, các chính sách cải cách tài chính công, kế toán khu vực công rộng rãi để tạo sự đồng thuận trong xã hội; tuy nhiên, đến nay UBND tỉnh chưa có văn bản chỉ đạo đối với nội dung này, do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo nội dung này trong thời gian tới.



Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



*Nguyễn Đình Phương*  
**Nguyễn Đình Phương**



Số: 396/BC-BKTNS

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết "*Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)*" (theo Tờ trình số 3207/TTr-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

(1) Tờ trình số 3207/TTr-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh "*Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)*" (kèm theo biểu 1);

(2) Dự thảo nghị quyết "*Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)*".

#### 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 7 Điều 67<sup>1</sup> Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương) là đúng thẩm quyền.

#### 3. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chưa thống nhất các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án chưa đảm bảo các điều kiện tại Điều 52 Luật Đầu tư công<sup>2</sup> (chưa có quyết định chủ trương đầu tư) gồm: Dự án Ứng dụng công

<sup>1</sup>7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

- Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;
- Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

<sup>2</sup> Điều kiện đề chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Dự án chuyên tiếp thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

nghe thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 và các Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh “Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương” của tỉnh Gia Lai; mục (3), điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh “Về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)”, cụ thể:

**(1) Đối với nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí**

(1.1) Điều chỉnh giảm 42,2 tỷ đồng từ nguồn vốn dự phòng 10% (giảm từ 93,463 tỷ đồng xuống còn 51,263 tỷ đồng).

(1.2) Điều chỉnh tăng 42,2 tỷ đồng, cụ thể:

a) Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030: 15 tỷ đồng.

b) Chi cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai: 17 tỷ đồng.

c) Vốn chưa phân bổ: 10,2 tỷ đồng.

**(2) Nguồn xố số kiến thiết**

(2.1) Điều chỉnh giảm 27 tỷ đồng từ nguồn vốn dự phòng xố số kiến thiết 10% (giảm từ 66,108 tỷ đồng xuống còn 39,108 tỷ đồng).

(2.2) Vốn chưa phân bổ 27 tỷ đồng.

(Phụ lục kèm theo)

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

2. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm.

Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương;

3. Nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 18 của Luật này;

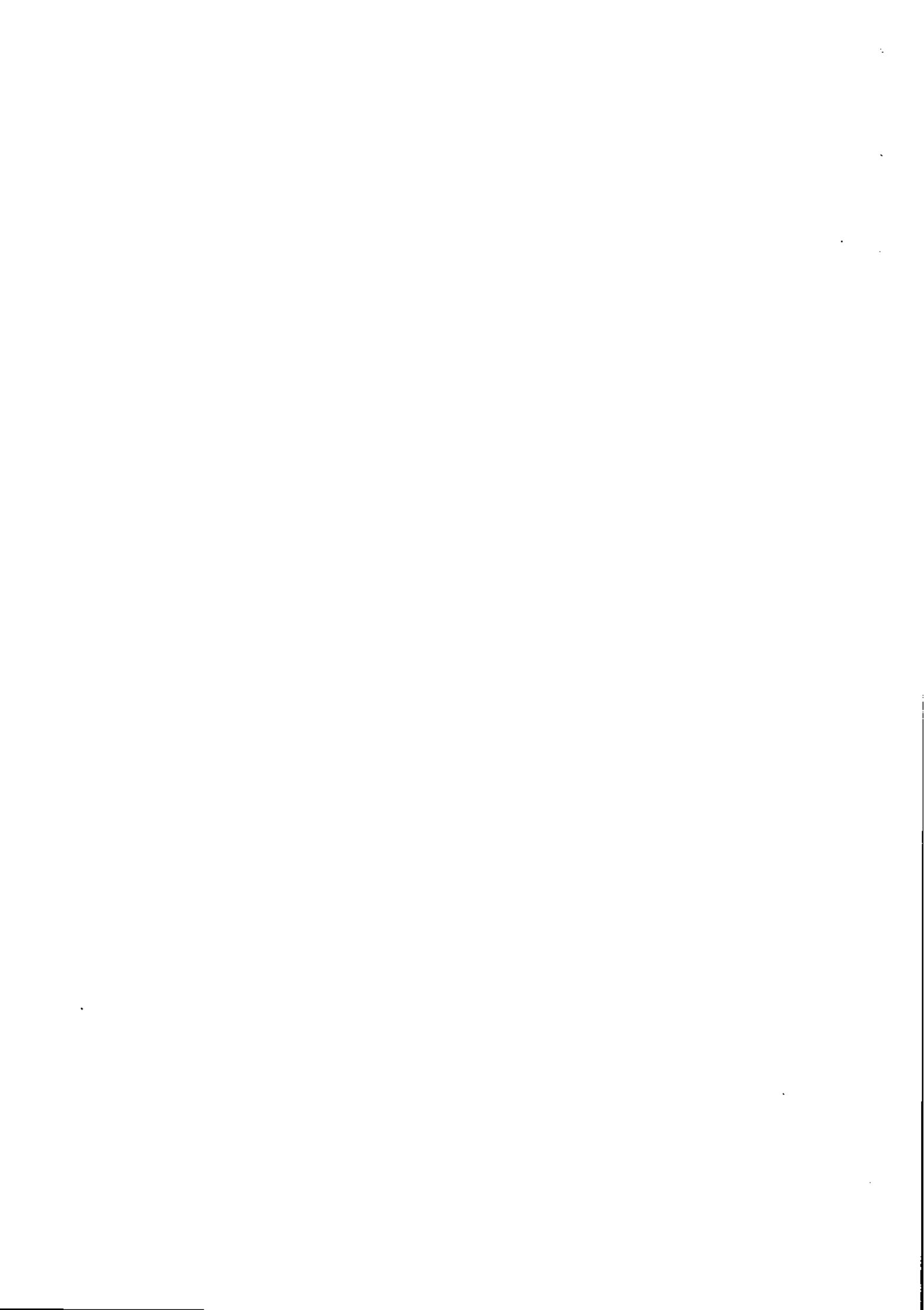
4. Các đối tượng quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 5 của Luật này.



**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Báo cáo số 396/BC-BKTNS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)*

ĐVT Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng năm ban hành	TMDT	Tr. Đó NSDP	Tổng số	Tr. Đó NSDP			Tổng số	Tr. Đó NSDP		
A	Vốn cấu đối theo tiêu chí													
I	Các dự án điều chỉnh giảm vốn													
(1)	Vốn dự phòng 10%						93.463	93.463	42.200		51.263	51.263		
II	Điều chỉnh tăng vốn													
(1)	Vốn chuẩn bị đầu tư													
1	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026-2030													Theo hướng dẫn tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 của Bộ KHĐT
(2)	Vốn chưa phân bổ					12.200					10.200	10.200		
(3)	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai					17.000					17.000	17.000		
1	Chi cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai				173/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	17.000					17.000	17.000	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai	HĐND tỉnh đã có nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 chấp thuận cơ cấu tổ chức và tăng vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai
B	Xổ số kiến thiết													
I	Điều chỉnh giảm vốn						66.108	66.108	27.000		39.108	39.108		
(1)	Dự phòng						66.108	66.108	27.000		39.108	39.108		
II	Điều chỉnh tăng vốn													
														Dự kiến bố trí cho 08 dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã phức tạp về an ninh trật tự



## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “Về việc thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045” (theo Tờ trình số 3208/TTr-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm:

(1) Tờ trình số 3208/TTr-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh “Về việc trình HĐND tỉnh thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Về việc thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

(3) Tờ trình số 71/TTr-SXD ngày 30/10/2023 của Sở Xây dựng “Về việc trình HĐND tỉnh thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

(4) Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan;

(5) Thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 1 Điều 1<sup>1</sup> Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở”, việc HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 là đúng thẩm quyền.

<sup>1</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở”

1. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 4 như sau: “... Trường hợp do thay đổi nội dung Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia hoặc thay đổi quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc phải điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thì UBND cấp tỉnh tổ chức xây dựng nội dung điều chỉnh chương trình và trình HĐND cùng cấp thông qua...”

**3. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị một số nội dung sau:

- Tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết:

+ Bổ sung cụm từ “Điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035”;

+ Bổ sung từ: “1. Các nội dung bổ sung, điều chỉnh kỳ này:”;

+ Thay cụm từ “Bổ sung” thành “Điều chỉnh”.

Và viết lại thành như sau:

**“Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 với một số nội dung như sau:**

*Thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung chủ yếu như sau:*

*1. Điều chỉnh điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 12/7/2018, như sau: ...”*

- Tại khoản 5 Điều 1 của dự thảo nghị quyết: Đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung, làm rõ tổng nguồn vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, gồm: ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, vốn doanh nghiệp, vốn hỗ trợ và vốn người dân (nếu có).

- Tại Điều 2 của dự thảo nghị quyết: Bổ sung cụm từ “Điều chỉnh Điều 2 Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2045 như sau:” và viết lại thành như sau:

**“Điều 2. Điều chỉnh Điều 2 Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2045 như sau:**

*Tổ chức thực hiện...”*

**4. Về thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**



## BÁO CÁO

### Thẩm tra Báo cáo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024-2026

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung Báo cáo số 252/BC-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “*Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024-2026*” và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm: Báo cáo số 252/BC-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “*Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024-2026*” (Kèm theo 05 Mẫu biểu).

#### 1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ khoản 4 Điều 43<sup>1</sup> Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính “*Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2024-2026*”, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Báo cáo Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024-2026 là đúng thẩm quyền.

#### 2. Nội dung

Qua thẩm tra báo cáo Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024-2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất đối với các nội dung trong Báo cáo do UBND tỉnh trình và có ý kiến như sau:

#### (1) Đánh giá tình hình tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2023

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 03 năm 2021-2023: Dự kiến là 18.788,8 tỷ đồng, đạt 58,2% (18.788,8/32.309,2) so kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm đạt 4,5%/năm (kế hoạch từ 9 - 10%); chiếm tỷ trọng 7,1% tổng GRDP (giá hiện hành) giai đoạn 2021-2023.

<sup>1</sup> 4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm.

Như vậy, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 03 năm 2021-2023 chỉ mới đạt 58,2%; do đó, từ nay đến năm 2025 với tỷ lệ thu ngân sách còn phải thực hiện là 41,8%, có khả năng không đạt được kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- **Tổng chi ngân sách địa phương 03 năm 2021-2023:** Ước thực hiện 43.452,6 tỷ đồng, đạt 59,9% (43.452,6/72.520,2 tỷ đồng) so với kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025 (kế hoạch 56%), tốc độ tăng chi bình quân hàng năm 2,56%/năm. Như vậy, phân đầu tổng chi ngân sách địa phương theo kế hoạch 56% dự báo là rất khó khăn.

+ Về cơ cấu chi ngân sách địa phương: Giai đoạn 2021-2023 chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng 24,8% so với tổng chi giai đoạn 2021-2023 xu hướng tăng dần qua các năm: Năm 2021 chiếm 20,5% trên tổng chi (3.208,2/15.686,7 tỷ đồng); năm 2022 chiếm 27,7% trên tổng chi (3.477,2/12.541,8 tỷ đồng); năm 2023 dự kiến chiếm 26,8% trên tổng chi (4.082,2/15.224,1 tỷ đồng).

- Về tỷ lệ đảm bảo tự cân đối ngân sách giai đoạn 2021-2023: Mức thu ngân sách tự đảm bảo cân đối giai đoạn 2021-2023 theo số thực hiện dự kiến là 38,5% (15.209,9/39.541,7 tỷ đồng); xu hướng tăng dần qua các năm: Năm 2021 là 33,9% (5.151,77/15.219,3 tỷ đồng); năm 2022 là 43,2% (5.208,8/12.060,3 tỷ đồng); năm 2023 dự kiến 39,5% (4.849,3/12.262,1 tỷ đồng).

- **Tình hình vay, trả nợ vay:** Dự kiến trả nợ đến hạn năm 2023 là 11,1 tỷ đồng, trong đó: Trả nợ gốc 9,6 tỷ đồng (từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi), trả lãi vay 1,5 tỷ đồng. Dự nợ cuối kỳ dự kiến 137,535 tỷ đồng.

Như vậy, giai đoạn 2021-2023 thu ngân sách địa phương chỉ đảm bảo được một phần, tình vẫn phải nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách trung ương để đảm bảo cân đối thu, chi. Đồng thời, tỷ trọng chi đầu tư phát triển vẫn còn thấp.

## **(2) Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024-2026**

- **Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn 03 năm 2024-2026:** Dự kiến 20.958 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2024-2025 dự kiến thực hiện 13.238 tỷ đồng (năm 2025 dự kiến 7.423 tỷ đồng), tốc độ tăng thu bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 dự kiến 10,13%/năm (chỉ tiêu đạt từ 9-10%).

- **Tổng chi ngân sách địa phương 03 năm 2024-2026:** Dự kiến 50.759,5 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2024-2025 dự kiến 33.152 tỷ đồng (năm 2025 dự kiến 16.975,9 tỷ đồng).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy: Tại Báo cáo 169/BC-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh Báo cáo Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2023-2025 trình Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XII, UBND tỉnh dự kiến: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 7.132 tỷ đồng, năm 2025 dự kiến là 7.764 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 dự kiến là 14.261 tỷ đồng, năm 2025 dự kiến là 15.060 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại Báo cáo trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp lần này, UBND tỉnh dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 5.815 tỷ đồng, năm 2025 dự kiến là 7.423 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 13.648 tỷ đồng, năm 2025 dự kiến là 14.681 tỷ đồng. Như vậy, UBND tỉnh dự kiến tổng thu ngân sách trên địa bàn, số chi cân đối

ngân sách địa phương năm 2024, 2025 thấp hơn so với dự kiến tổng thu ngân sách trên địa bàn, số chi cân đối ngân sách địa phương 2024, 2025 tại Báo cáo 169/BC-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh. Đồng thời, tổng thu ngân sách trên địa bàn của năm 2025 và năm 2026 tăng rất cao so với dự toán thu của năm 2024 trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp này.

- **Về cơ cấu chi ngân sách địa phương:** Chi đầu tư phát triển thực hiện tăng dần qua các năm và chiếm tỷ trọng ngày càng tăng so tổng chi ngân sách địa phương<sup>2</sup>: Năm 2024 dự kiến 31,2%, năm 2025 dự kiến 28,3% và năm 2026 dự kiến 29,1%; Chi thường xuyên: Năm 2024 dự kiến 70,7%, năm 2025 dự kiến 70% và năm 2026 dự kiến 69,2%.

- **Về tỷ lệ đảm bảo tự cân đối ngân sách giai đoạn 2024-2026:** Phần đầu đến năm 2026 mức đảm bảo cân đối là 48,3% (7.281,2/15.083,4 tỷ đồng); năm 2025 mức đảm bảo cân đối dự kiến đạt 47,7% (6.995,7/14.681,3 tỷ đồng).

- **Tình hình vay, trả nợ của ngân sách địa phương giai đoạn 2024-2026:** Ước thực hiện năm 2024 là 13,2%, đến năm 2026 dự kiến tỷ lệ dư nợ là 19,4%.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với đánh giá dự báo những tác động đến tình hình thu, chi ngân sách địa phương giai đoạn 2024-2026 và một số giải pháp về thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2024-2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh để đại biểu HĐND tỉnh tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 và những năm tiếp theo.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>2</sup> Không kể chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính; chi trả nợ lãi vay; chi chuyển nguồn sang năm sau.



## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “Về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh” (theo Tờ trình số 3230/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 11<sup>1</sup> Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019”, gồm:

(1) Tờ trình số 3230/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh”;

(3) Báo cáo số 242/BC-SKHĐT ngày 09/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư “Kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh”;

(4) Báo cáo số 498/BC-SNNPTNT ngày 08/11/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Báo cáo điều chỉnh đề xuất chủ trương đầu tư dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh”;

<sup>1</sup> Điều 11. Các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C:

“3. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án bao gồm:

a) Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án tương ứng với các nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại các Điều 29, 30, 31 của Luật Đầu tư công;

a) Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án trước đó (nếu có); tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Nghị định này có bổ sung nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư;

b) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

c) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).”

(5) Tài liệu có liên quan: Nghị quyết số 312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh "Về chủ trương đầu tư dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh".

## 2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

(1) Quy mô đầu tư, thời gian thực hiện và tiến độ thực hiện Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại khoản 2, 7, 8 Điều 1 Nghị quyết số 312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 như sau:

"2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi): Dung tích toàn bộ khoảng 1,74 triệu  $m^3$ , cấp nước tưới chủ động cho 220 ha, gồm các hạng mục chủ yếu:

- Đập đất đồng chất cấp II với các thông số:  $L_{đập} = 290,0m$ ;  $B_{đ} = 5,0m$ ;  $H_{đ} = 25,0m$ ; hệ số mái thượng lưu  $m_{tl} = 3,5$  và 4, hệ số mái hạ lưu  $m_{hl} = 3,0m$ .

- Tràn xả lũ: Hình tràn tự do không cửa van. Kích thước tràn (BxH) = 12x4,2m. Kết cấu bằng bê tông cốt thép M200; cao độ ngưỡng tràn 660,0m.

- Cổng lấy nước: Cổng tròn, khẩu độ 80cm, chiều dài 100m.

- Hệ thống kênh: Hình thức kênh hộp, mặt cắt chữ nhật, kết cấu bê tông cốt thép. Tuyến kênh:

+ Kênh chính gồm: Đoạn 1 có chiều dài 3.031m, kích thước kênh (BxH) (0,8x1,0)m; Đoạn 2 có chiều dài 450m, kích thước kênh (BxH) (0,6x0,8)m.

+ Kênh nhánh có chiều dài 5.250m, kích thước kênh (BxH) (0,5x0,7)m đến (0,4x0,6)m.

- Nhà quản lý vận hành: Nhà cấp 4 xây gạch chịu lực, diện tích sử dụng 80 $m^2$ .

- Đường vào khu sản xuất và quản lý vận hành: Giao thông nông thôn loại B, cấp thiết kế IV, chiều dài tuyến 5.291m, bề rộng nền đường 5m, mặt đường 3,5m, mặt đường bê tông xi măng. Công trình thoát nước, công trình phòng hộ.

- Hệ thống quan trắc lũ và quan trắc thấm.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện dự án.

- Năm 2022-2023: Thi công dự án.

- Năm 2024: Thi công, hoàn thành dự án".

(2) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh với nội dung cụ thể như sau:

"2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi): Xây dựng hồ chứa với dung tích toàn bộ 1,74 triệu  $m^3$ , cấp nước tưới chủ động cho 220ha gồm các hạng mục chủ yếu sau:

- Đập nhiều khối. Đập cấp II, chiều dài đỉnh đập 298m, chiều cao đập lớn nhất 19,1m, chiều rộng đỉnh đập 5m.

- Trần xả lũ: Hình thức trần tự do không cửa van. Chiều dài đường trần  $B=40m$ , kết cấu trần bằng BTCT M300.

- Cống lấy nước: Cống ngầm chày có áp; kết cấu ống thép D60cm phía ngoài bọc BTCT M300, chiều dài cống 93,0m

- Hệ thống kênh bằng ống HDPE. Hệ thống kênh chính dự kiến  $L=4700m$ ; kênh nhánh dự kiến  $L=3300m$  và công trình trên kênh.

- Nhà quản lý: Nhà cấp 4, diện tích sử dụng  $100m^2$ .

- Đường vào khu sản xuất và quản lý vận hành: Đường đất.

- Hệ thống quan trắc chuyển vị và quan trắc thấm.

7. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Năm 2024 -2027

8. Tiến độ thực hiện dự án điều chỉnh:

- Năm 2021: Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư.

- Năm 2024-2027: Bố trí vốn thực hiện dự án, phê duyệt dự án, thực hiện dự án, nghiệm thu, hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng”.

(3) Như vậy, UBND tỉnh đã đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh:

- Quy mô đầu tư như sau:

+ Từ “Đập đất đồng chất cấp II với các thông số:  $L_{đập} = 290,0m$ ;  $Bđ = 5,0m$ ;  $Hđ = 25,0m$ ; hệ số mái thượng lưu  $m_{tl} = 3,5$  và 4, hệ số mái hạ lưu  $m_{hl} = 3,0m$ ” thành “Đập nhiều khối. Đập cấp II, chiều dài đỉnh đập 298m, chiều cao đập lớn nhất 19,1m, chiều rộng đỉnh đập 5m”.

+ Trần xả lũ: Từ “Hình thức trần tự do không cửa van. Kích thước trần  $(B \times H) = (12 \times 4,2)m$ . Kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cao độ ngưỡng trần 660,0m” thành “Hình thức trần tự do không cửa van. Chiều dài đường trần  $B=40m$ , kết cấu trần bằng BTCT M300”.

+ Cống lấy nước: Từ “Cống tròn, khẩu độ 80cm, chiều dài 100m” thành “Cống ngầm chày có áp; kết cấu ống thép D60cm phía ngoài bọc BTCT M300, chiều dài cống 93,0m”.

+ Hệ thống kênh: Từ “Hình thức kênh hộp, mặt cắt hình chữ nhật, kết cấu bê tông cốt thép. Kênh chính gồm: Đoạn 1 có chiều dài 3.031m, kích thước kênh  $(B \times H) = (0,8 \times 1,0)m$ ; đoạn 2 có chiều dài 450m, kích thước kênh  $(B \times H) = (0,6 \times 0,80)m$ . Kênh nhánh có chiều dài 5.250m, kích thước kênh  $(B \times H) = (0,5 \times 0,7)m$  đến  $(0,4 \times 0,6)m$ ” thành “Bằng ống HDPE. Hệ thống kênh chính dự kiến  $L=4700m$ ; kênh nhánh dự kiến  $L=3300m$  và công trình trên kênh”.

+ Từ “Nhà quản lý vận hành: Nhà cấp 4 xây gạch chịu lực, diện tích sử dụng  $80m^2$ ” thành “Nhà quản lý: Nhà cấp 4, diện tích sử dụng  $100m^2$ ”.

+ Đường vào khu sản xuất và quản lý vận hành: Từ “Giao thông nông thôn loại B, cấp thiết kế IV, chiều dài tuyến 5.291m, bề rộng nền đường 5m, mặt đường 3,5m, mặt đường bê tông xi măng. Công trình thoát nước công trình phòng hộ” thành “Đường đất”.

+ Từ “Hệ thống quan trắc lún và quan trắc thấm” thành “Hệ thống quan trắc chuyển vị và quan trắc thấm”.

- Thời gian thực hiện dự án: Từ “Năm 2021-2024” thành “Năm 2024 -2027”.

- Tiến độ thực hiện dự án: Từ “Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện dự án; Năm 2022-2023: Thi công dự án; Năm 2024: Thi công, hoàn thành dự án” thành “Năm 2021: Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư; Năm 2024-2027: Bố trí vốn thực hiện dự án, phê duyệt dự án, thực hiện dự án, nghiệm thu, hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng”.

Lý do điều chỉnh là trên cơ sở Dự án đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi, các giải pháp đầu tư xây dựng công trình đã được so sánh để lựa chọn giải pháp tối ưu về kỹ thuật, chi phí xây dựng, khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án, như: Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế, xã hội; giải pháp giảm thiểu tác động môi trường; ....

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án do UBND tỉnh trình. Tuy nhiên, Ban nhận thấy Dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 nhưng quá trình triển khai, thực hiện dự án rất chậm, dẫn đến nguồn vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí từ năm 2021 (ngân sách trung ương) là 03 tỷ đồng<sup>2</sup> bị hủy bỏ. Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh kiểm điểm trách nhiệm đối với các đơn vị, cá nhân đã để xảy ra việc chậm tiến độ dự án và gây hủy vốn.

Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung khoản 9 vào Điều 1 của dự thảo nghị quyết như sau:

“9. Nội dung khác: UBND tỉnh chịu trách nhiệm về chất lượng, kỹ thuật, tính an toàn của công trình và đảm bảo mục tiêu ban đầu của dự án”.

**3. Về thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

<sup>2</sup> Tại Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh “Về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021 (đợt 3)”



## BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai" (theo Tờ trình số 3319/TTr-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo các quy định tại: khoản 2 Điều 124<sup>1</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 38 Điều 1<sup>2</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, gồm:

(1) Tờ trình số 3319/TTr-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh "Dự thảo

<sup>1</sup> Điều 124. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "2. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

- Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;
- Dự thảo nghị quyết;
- Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;
- Tài liệu khác (nếu có)."

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

<sup>2</sup> Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 124 như sau:

"a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này;"

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này".

ng nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(3) Văn bản số 2375/STP-NV1 ngày 21/11/2023 của Sở Tư pháp “Về việc thẩm định dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(4) Báo cáo số 520/BC-SNNPTNT ngày 21/11/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(5) Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý vào dự thảo nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai “Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(6) Văn bản số 2167/STP-NV1 ngày 25/10/2023 của Sở Tư pháp “Về việc góp ý dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(7) Văn bản góp ý của các địa phương<sup>3</sup> đối với dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;

(8) Các tài liệu liên quan: Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh Gia Lai “Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm

<sup>3</sup> Các huyện: Kbang, Đức Cơ, Đak Đoa, Kông Chro, Krông Pa, Chư Sê, Ia Pa, thị xã An Khê và thành phố Pleiku.

2015; khoản 2 Điều 126<sup>4</sup> Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025”; khoản 1, khoản 2 Điều 12<sup>5</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020); khoản 1 Điều 27<sup>6</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, việc HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Gia Lai Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

4. Về thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trung Kiên

<sup>4</sup> Điều 126. Điều khoản chuyển tiếp “...2. Đối với các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung, mức chi, hỗ trợ được tiếp tục thực hiện và rà soát lại theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp”.

<sup>5</sup> 1. “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định.”.

2. “Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trái với quy định của văn bản mới ngay trong văn bản mới đó; trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật mà mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực”.

<sup>6</sup> “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.



## BÁO CÁO

### Thẩm tra Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ công tác năm 2024

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các Báo cáo do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh "Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ công tác năm 2024" và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng Báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất kết quả thực hiện công tác năm 2023 về lĩnh vực kinh tế, báo cáo đã thể hiện cơ bản đầy đủ những công việc trọng tâm mà UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian qua.

Năm 2023, theo số liệu Tổng cục Thống kê ước tính sơ bộ lần 1, tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2023 (theo giá so sánh 2010) tăng 5,36% so với năm 2022. trong đó: Nông, lâm, thủy sản tăng 3,25%; công nghiệp - xây dựng, giảm 1,14%; dịch vụ, tăng 5,87%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,18%; GRDP bình quân đầu người đạt 59,84 triệu đồng/người (Năm 2022, GRDP đạt 53,74 triệu đồng/người); Theo số liệu Tổng cục Thống kê ước tính sơ bộ lần 2: Tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2023 (theo giá so sánh 2010) tăng 3,02% so với năm 2022, GRDP bình quân đầu người đạt 59,08 triệu đồng/người.

Trong năm 2023 có 14/21 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt, vượt so với chỉ tiêu nghị quyết HĐND tỉnh đề ra, 07/21 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (trong đó có 04 chỉ tiêu về lĩnh vực kinh tế không đạt, bao gồm: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>; GRDP bình quân đầu người<sup>2</sup>; số xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>3</sup>; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn<sup>4</sup> và 02/04 chỉ tiêu về môi trường không đạt, bao gồm: diện tích trồng rừng trong năm và tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom xử lý<sup>5</sup>; đồng thời, tỷ lệ giải ngân xây dựng cơ bản (tính đến ngày 14/11/2023: 1.789 tỷ đồng) mới đạt 37,2% kế hoạch; cụ thể như sau:

<sup>1</sup> Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh 5,36%/8,62% (kế hoạch năm 2023).

<sup>2</sup> GRDP bình quân đầu người: Số liệu của tỉnh 66,5 triệu đồng/66,9 triệu đồng (kế hoạch năm 2023).

<sup>3</sup> Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: đạt 05 xã/09 xã (kế hoạch năm 2023).

<sup>4</sup> Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 5.230 triệu đồng/5.910 triệu đồng (kế hoạch năm 2023).

<sup>5</sup> Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý ở đô thị 88,4%/95,8

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 5.230 tỷ đồng, đạt 96,3% so với dự toán Trung ương giao, đạt 88,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao (giảm 8% so với cùng kỳ). Có 11/16 khoản thu đạt và vượt dự toán<sup>6</sup>; 05/16 khoản thu không đạt dự toán<sup>7</sup>, trong đó, có khoản thu tiền sử dụng không đạt (ước thực hiện 850 tỷ đồng, đạt 63% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 16,5% so với cùng kỳ) đã gây ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh (nguyên nhân các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất của tỉnh chưa triển khai nên tiền sử dụng đất không đảm bảo so với dự toán được giao (dự toán tiền sử dụng đất cấp tỉnh giao 570 tỷ đồng)).

- Chi ngân sách địa phương ước đạt 15.224,05 tỷ đồng, đạt 99% so với dự toán Trung ương giao, đạt 96,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 21,7% so với cùng kỳ. Trong đó, có các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện 1.890,1 tỷ đồng, đạt 85% so với dự toán Trung ương giao, chỉ đạt 78,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao (giảm 39,1% so với cùng kỳ). Đối với thực hiện chi ngân sách địa phương của các huyện, thị xã, thành phố năm 2023: Có 11/17 huyện, thị xã, thành phố chi đạt, vượt dự toán giao<sup>8</sup>; có 06/17 huyện, thị xã, thành phố chi chưa đạt dự toán giao<sup>9</sup>.

- Về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới: Năm 2023 còn 04/09 xã không đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đã đề ra<sup>10</sup>.

Tuy nhiên, tại Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh chưa đánh giá tồn tại, nguyên nhân của các chỉ tiêu không đạt kế hoạch, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung, giải trình làm rõ nguyên nhân và có giải pháp cụ thể, quyết liệt, khắc phục tồn tại của năm 2023 để phấn đấu đạt và vượt kế hoạch đề ra trong năm 2024.

#### **Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:**

- Điều chỉnh số liệu ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2023: 15.953,65 tỷ đồng (tại Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh về việc Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023, và kế hoạch nhiệm vụ công tác năm 2024) để khớp với số liệu ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2023: 15.224,05 tỷ đồng (tại Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh về việc Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024).

<sup>6</sup> Gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khoản thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thu phí, lệ phí; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thu từ xổ số kiến thiết; thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện và các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý.

<sup>7</sup> Gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương; lệ phí trước bạ; thuế bảo vệ môi trường; thu tiền sử dụng đất và thu tiền thuê mặt đất, mặt nước.

<sup>8</sup> Huyện Ia Pa 143,4%; huyện Đak Pơ 137,9%; huyện Ia Grai 135,2%; huyện Kông Chro 133,3%; huyện Chư Păh 130,8%; huyện Chư Prông 116,7%; huyện Krông Pa 116,5%; huyện Đak Đoa 116,2%; huyện Đức Cơ 110,9%; huyện Chư Pưh 108%; huyện Phú Thiện 107,8%.

<sup>9</sup> Huyện Kbang 98,4%; thị xã Ayun Pa 97,2%; huyện Chư Sê 94,7%; thành phố Pleiku 94,6%; thị xã An Khê 88,7%; huyện Mang Yang 83,8%.

<sup>10</sup> Xã Ia Ko, huyện Chư Sê; Xã Ia Hiao, huyện Phú Thiện; Xã Kon Thụp, huyện Mang Yang; Xã Chư Gu, huyện Krông Pa

- Sau 02 năm Sở Tài nguyên môi trường được giao chủ trì theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo số liệu của 17 huyện, thị xã, thành phố đối với chỉ tiêu Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, theo đó số liệu thống kê về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý tại đô thị của UBND các huyện, thị xã, thành phố được tính theo số hộ được thu gom/tổng số hộ tại đô thị thì số liệu thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh trong thực tế thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch xây dựng. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại một số đô thị trên địa bàn tỉnh còn rất thấp như huyện Kông Chro (39,4%), Đăk Pơ (43%), thị xã An Khê (63,1%), Phú Thiện (68%), Đak Đoa (72,2%),... Do đó, đề nghị UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường hơn nữa việc chỉ đạo công tác thu gom, xử lý rác thải đô thị và trình HĐND cấp huyện đưa chỉ tiêu này vào nghị quyết HĐND cấp huyện hằng năm để thực hiện.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh cùng các chỉ tiêu chủ yếu phấn đấu trong năm 2024.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
KT.TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**





## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "*Về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024*" (theo Tờ trình số 3218/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### I. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 6 Điều 44<sup>1</sup> Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 11 Điều 22<sup>2</sup> Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, việc HĐND tỉnh quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 là đúng thẩm quyền.

#### II. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm:

(1) Tờ trình số 3218/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh "*Về việc đề nghị phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024*" kèm theo 19 Biểu Dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

(2) Dự thảo nghị quyết "*Về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024*".

#### III. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Sau khi xem xét, thảo luận, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy: Việc xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2024 phù hợp với Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính *Hướng*

<sup>1</sup> Điều 44. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước

"6. Trước ngày 10 tháng 12, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách".

<sup>2</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau trước ngày 10 tháng 12. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.

dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2024-2026; do đó, Ban cơ bản thống nhất phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 như đề nghị của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

### 1. Dự toán ngân sách nhà nước

#### (1) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn Trung ương dự kiến giao: **5.624.500 triệu đồng**. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là: **5.815.000 triệu đồng**, tăng 190.500 triệu đồng so dự toán trung ương dự kiến giao<sup>3</sup> và tăng 11,18% so với ước thực hiện năm 2023.

#### (2) Tổng thu ngân sách địa phương: **16.171.546 triệu đồng<sup>4</sup>**

- Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp:	5.394.300	-
- Thu NSTW bổ sung (số liệu của Bộ Tài chính):	9.976.695	-
+ Bổ sung cân đối ngân sách:	7.448.872	-
+ Bổ sung có mục tiêu:	2.527.823	-
- Thu kết dư:	88.407	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:	712.144	-

#### (3) Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024:

#### Tổng chi ngân sách địa phương **16.176.146 triệu đồng**

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển:	4.261.407	-
- Chi thường xuyên:	11.442.847	-
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay:	3.037	-
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	1.400	-
- Dự phòng ngân sách:	302.187	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	165.268	-

Gồm:

3.1. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	13.648.323	-
- Chi đầu tư phát triển:	2.533.820	-
- Chi thường xuyên:	10.642.611	-
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay:	3.037	-
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	1.400	-
- Dự phòng ngân sách:	302.187	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	165.268	-
3.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:	2.527.823	-

#### (4) Bội chi NSDP: **4.600 triệu đồng**

### 2. Phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 như đề nghị của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có một số ý kiến như sau:

<sup>3</sup> Trong đó, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 45.000 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất tăng 122.000 triệu đồng; thu từ xổ số kiến thiết tăng 15.000 triệu đồng; thu khác ngân sách tăng 8.500 triệu đồng.

<sup>4</sup> Tổng thu ngân sách địa phương năm 2024 là số dự kiến

- Đối với một số biểu mẫu ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết chưa đúng theo các biểu mẫu của Nghị quyết HĐND quy định tại Điều 14 Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành *"Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm"*. Tuy nhiên, để kịp thời phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất và đề nghị trong năm 2024 khi xây dựng dự thảo nghị quyết về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025 phải thực hiện đúng các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định 31/2017/NĐ-CP.

- Về chi mua xe ô tô: Để đảm bảo tính công khai, công bằng và minh bạch, Ban đề nghị đối với các đơn vị được mua sắm xe ô tô nếu mua xe ô tô cùng chức năng, chủng loại phải được bố trí kinh phí bằng nhau và đúng quy định.

- Tại Phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết:

+ Đề nghị giảm chi: **20.000 triệu đồng** của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại số thứ tự 33 phần II Biểu số 06 - Biểu chi tiết phân bổ chi hoạt động sự nghiệp kinh tế năm 2024; đồng thời, tăng chi đầu tư phát triển: **20.000 triệu đồng** cho Ngân hàng chính sách (cho vay các đối tượng chính sách) tại Biểu số 04 - Biểu báo cáo tình hình chi ngân sách địa phương năm 2023 và dự toán chi năm 2024.

+ Không ghi dự toán phân bổ vốn đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung năm 2024 là: **426.550 triệu đồng** tại điểm a tiêu mục 1 mục II Phần B Biểu số 5b - Dự toán chi ngân sách nhà nước các huyện, thị xã, thành phố năm 2024. Lý do: Nguồn vốn này được phân bổ tại Biểu số 03 - Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương của dự thảo Nghị quyết *"Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương"*.

+ Bổ sung ghi chú tại Biểu 5a để làm rõ mục Bổ sung thực hiện chính sách tiền lương: *"(1) Tỉnh tạm cấp bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng đối với các huyện chưa cân đối được nguồn thực hiện cải cách tiền lương bố trí trong dự toán năm 2024. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động tích lũy nguồn CCTL theo đúng quy định của Bộ Tài chính (bao gồm nguồn 70% kết dư năm 2018, 2019, 2020, 2021 để thực hiện CCTL sau khi loại trừ các khoản Bộ Tài chính đã thẩm định). Trên cơ sở kết quả thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 của Bộ Tài chính, giao Sở Tài chính phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố xác định nguồn và nhu cầu chính thức năm 2024 theo đúng quy định; trong đó, yêu cầu địa phương hoàn trả ngân sách cấp tỉnh đối với kinh phí đã tạm cấp đầu năm (nếu dư nguồn) hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ sung tiếp cho địa phương (nếu còn thiếu)"*.

+ Bổ sung ghi chú tại Biểu 17: *"Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các huyện biên giới; các đơn vị liên quan đến công tác đối ngoại, biên giới để thực hiện nhiệm vụ theo quy định"*.

+ Bổ sung ghi chú tại Biểu 18.5: *"Tại điểm b, khoản 2, Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định "Các"*

tình nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% đến dưới 80%: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1)". Năm 2024 tổng kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh Gia Lai là 71.783 triệu đồng, do đó, ngân sách địa phương phải đối ứng tối thiểu là 71.783 triệu đồng trong đó ngân sách tỉnh đối ứng 5.741 triệu đồng; ngân sách huyện đối ứng 66.042 triệu đồng. Đề nghị các địa phương phân bổ dự toán năm 2024 đảm bảo kinh phí đối ứng theo đúng quy định".

\* Tại các buổi họp thẩm tra, có sự tham gia trực tiếp của 11 đơn vị dự toán cấp tỉnh do UBND tỉnh mời để giải trình dự toán phân bổ của đơn vị<sup>5</sup>, Ban cơ bản thống nhất và có một số ý kiến như sau:

(1) Đối với chi sự nghiệp kinh tế của Sở Tài nguyên và Môi trường: Cơ quan trình dự thảo nghị quyết đề nghị bố trí 11.000 triệu đồng chi thuê phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Tuy nhiên, tại thời điểm thẩm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa nộp hồ sơ để Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định<sup>6</sup>; do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ, gửi Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và báo cáo về Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trước ngày khai mạc Kỳ họp thứ Mười lăm để tổng hợp trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(2) Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy có 02 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao nhưng chưa được bố trí kinh phí thực hiện, gồm: (1) Lập đồ án Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo; (2) Phối hợp tổ chức Không gian trưng bày "Thiên đường Tây Nguyên - Gia Lai" tại khuôn viên Quảng trường Đại Đoàn Kết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh cân đối bố trí ngân sách triển khai thực hiện.

(3) Đối với chi quản lý nhà nước của Văn phòng UBND tỉnh:

- Nội dung chi bảo dưỡng máy móc, thiết bị Trụ sở làm việc UBND tỉnh, Hội trường 2/9; sửa chữa nhà để xe khách; nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin tại trụ sở trong năm 2024 và những năm tiếp theo (tại Văn bản số 2514/UBND-KTTH ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh về chủ trương thực hiện một số nhiệm vụ của Văn phòng UBND tỉnh có nội dung: "Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thiết bị máy móc (thang máy, hệ thống điều hòa, máy phát điện dự phòng, hệ thống phòng cháy, chữa cháy) trụ sở làm việc UBND tỉnh, Hội trường 2/9"): Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch năm 2024 và những năm tiếp theo, trong đó, đánh giá hiện trạng, nhu cầu thực hiện hằng năm, xây dựng dự toán đảm bảo định mức theo quy định và chịu trách nhiệm đối với nội dung đề xuất.

<sup>5</sup> (1) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (2) Sở Giáo dục và Đào tạo, (3) Sở Y tế, (4) Sở Tài nguyên và Môi trường, (5) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (6) Văn phòng UBND tỉnh, (7) Văn phòng Tỉnh ủy, (8) Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, (9) Công an tỉnh, (10) Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng, (11) Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

<sup>6</sup> Theo Công văn số 1666/UBND-KX ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh "Về thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về triển khai ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh": Sở Thông tin và Truyền thông thẩm tra Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin, phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Gia Lai để cơ quan chuyên môn có cơ sở tổng hợp đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách năm 2024 theo quy định.

- Nội dung chi phục vụ hoạt động xã hội của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Ban đề nghị giảm 300 triệu đồng. Lý do: 01 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy đã được bố trí cho Văn phòng Tỉnh ủy trong dự toán năm 2024 tại Nội dung chi đặc thù, phục vụ hoạt động riêng biệt của các cơ quan Đảng tỉnh.

(4) Đối với Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể (Kinh phí không thường xuyên) của Văn phòng Tỉnh ủy:

Nội dung các khoản chi đặc thù, phục vụ hoạt động riêng biệt của các cơ quan Đảng tỉnh: Ban đề nghị giảm **396 triệu đồng** đối với Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025. Lý do: Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 chưa được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, do đó, dự toán ngân sách năm 2024 là không phù hợp.

Đồng thời, đề nghị Văn phòng Tỉnh ủy rà soát lại các nhiệm vụ chi phải thực hiện trên cơ sở giao nhiệm vụ, đảm bảo đúng định mức, chế độ, tránh trùng lặp và một số nhiệm vụ phải dùng từ nguồn chi thường xuyên để thực hiện theo quy định.

\* Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị một số nội dung sau:

- Đề nghị Sở Tài chính thực hiện xử lý đối với các đơn vị chậm gửi hoặc không gửi báo cáo quyết toán theo quy định.

- Đối với nhiệm vụ chi mua sắm tài sản của các cơ quan, đơn vị có giá trị cao (từ 10 tỷ đồng trở lên/01 cơ quan, đơn vị): Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh trong những năm tiếp theo trình HĐND tỉnh bố trí từ nguồn vốn đầu tư và thực hiện theo Luật Đầu tư công năm 2019 nhằm tăng tỷ lệ chi đầu tư phát triển, như: Mua thiết bị phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ,... của Công an tỉnh.

**IV. Về thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**\* Báo cáo này thay thế Báo cáo số 400/BC-BKTNS ngày 30/11/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.**

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**



Số: 405 /BC-BKTNS

Gia Lai, ngày 01 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết "Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai" (theo Tờ trình số 3283/TTr-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Về hồ sơ

(1) Tờ trình số 3238/TTr-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh "Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai";

(2) Dự thảo nghị quyết "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai";

(3) Công văn số 2341/STP-NV1 ngày 17/11/2023 của Sở Tư pháp "Về việc thẩm định dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai";

(4) Công văn số 2349/STP-NV1 ngày 18/11/2023 của Sở Tư pháp “Về việc thẩm định dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (lần 2)”;

(5) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh;

(6) Tờ trình số 736/TTr-STC ngày 19/11/2023 của Sở Tài chính “Đề nghị ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(7) Thông báo số 161/TB-HĐND ngày 09/11/2023 của Thường trực HĐND tỉnh “Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 07/11/2023”;

(8) Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10/11/2023 của HĐND tỉnh “Về việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

(9) Công văn số 3455/VP-KTTH ngày 15/11/2023 của Văn phòng UBND tỉnh “Về việc triển khai Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh”.

## 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 12<sup>1</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật); khoản 1 Điều 27<sup>2</sup> Luật

<sup>1</sup> 1. “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định.”.

2. “Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới ngay trong văn bản mới đó; trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật mà mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực”.

<sup>2</sup> “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.



Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

### 3. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết, đề nghị HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND đề nghị:

(1) **Bổ sung nội dung sau vào phần căn cứ pháp lý của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND:** Căn cứ Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế giai đoạn 2022 - 2026 (gắn với lộ trình tỉnh giãn biên chế).

#### (2) **Tại Điều 1 dự thảo nghị quyết, đề nghị bổ sung:**

- Tại điểm 3.12 Điều 11 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND còn một số nội dung chưa phân bổ bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế như: phân bổ cho huyện Krông Cho vì có các công trình thủy điện nhưng chưa được hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng và hỗ trợ cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra<sup>3</sup>; huyện Đức Cơ phải thực hiện nhiệm vụ đối ngoại<sup>4</sup>. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, phân bổ bổ sung cho huyện Krông Cho và huyện Đức Cơ đối với nội dung trên.

- Tại Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND quy định nguyên tắc và tiêu chí phân bổ, chỉ phân bổ bổ sung đối với số di tích lịch sử trên địa bàn nhưng chỉ được phân bổ theo số quyết định công nhận di tích lịch sử (không phân bổ trên số di tích hiện có), dẫn đến một số địa phương không đủ kinh phí để duy tu, sửa chữa các di tích<sup>5</sup>. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b tiết 3.2.1 điểm 3.2 khoản 3 Điều 11 như sau: “- Cho các di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng theo quyết định của tỉnh và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm (kể cả di tích nằm trong quân thể di tích, mỗi di tích được phân bổ 100 triệu đồng/di tích/năm)”.

<sup>3</sup> Tại quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND, huyện Kông Chro chỉ mới được hỗ trợ ở mục “Những địa phương bị ảnh hưởng do thủy điện gây ra”.

<sup>4</sup> Kiến nghị của UBND huyện Đức Cơ

<sup>5</sup> Thị xã An Khê được giao nhiệm vụ quản lý 11 vị trí di tích được công nhận là di tích quốc gia (tại 07 quyết định). Theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, hiện nay UBND tỉnh chỉ phân bổ bổ sung để duy tu, sửa chữa cho 07 vị trí di tích, còn 04 vị trí di tích chưa được phân bổ kinh phí để duy tu, sửa chữa.

- Tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 1 Điều 8 của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND có ghi: “*Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở xã, trường mầm non, trường tiểu học; trường trung học cơ sở, trạm y tế (trừ xây mới)*” chưa thể hiện nội dung rõ ràng (xây mới tại vị trí cũ hay vị trí mới). Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị sửa đổi lại nội dung này cho rõ ràng hơn và bổ sung vào Điều 1 dự thảo nghị quyết và viết lại thành như sau: “- *Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án: trụ sở cấp xã, trường mầm non, trường tiểu học; Cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án: trường trung học cơ sở, trạm y tế*”.

(3) Tại buổi họp thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung trong dự thảo nghị quyết cho cụ thể, rõ ràng hơn như sau:

- Tại khoản 4 Điều 1 của dự thảo nghị quyết:

“4. Bổ sung tiết g vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:

g) *Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính, cụ thể như sau:*

- *Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô theo số lượng xe thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định. Cụ thể như sau:*

+ *Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 140 triệu đồng/hợp đồng/năm;*

+ *Các cơ quan hành chính khác: 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.*

- *Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo vệ; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan như sau:*

+ *Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đối với Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) là 500 triệu đồng/năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 900 triệu đồng/năm; Sở Xây dựng là 600 triệu đồng/năm.*

+ *Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy làm việc chung trong khuôn viên của Tỉnh ủy; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Xây dựng và các cơ quan hành chính cấp tỉnh khác làm việc chung tại Công sở liên cơ quan; cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh) là 200 triệu đồng/đơn vị/năm.*

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan còn lại (ngoài 02 trường hợp khoản kinh phí nêu trên): 100 triệu đồng/đơn vị/năm”.

**- Tại khoản 8 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết:**

“8. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 6 tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, cụ thể như sau:

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô theo số lượng xe thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định: 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của Bảo tàng tỉnh là 1.800 triệu đồng/năm; Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh là 600 triệu đồng/năm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh là 300 triệu đồng/năm; Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San là 200 triệu đồng/năm; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác là 100 triệu đồng/năm”.

**- Tại khoản 9 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết:**

“11. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau:

“3.7.3. Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

- Phân bổ theo mức khoán quy định hiện hành của Trung ương, kinh phí do ngân sách Trung ương đảm bảo.

- Kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo (kinh phí tăng thêm theo mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với mức khoán theo quy định hiện hành của Trung ương): Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70%”.

(Các cụm từ bôi đậm là nội dung Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung so với dự thảo nghị quyết UBND tỉnh trình).

Đối với nội dung này, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chưa thống nhất với nội dung “Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với phần kinh phí tăng thêm theo mức

chi do HĐND tỉnh quy định so với mức khoán theo quy định hiện hành của Trung ương: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70%". Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị đại biểu HĐND tỉnh thảo luận kỹ nội dung này trước khi HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tại Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh sửa đổi một số cụm từ sau:

+ Tại điểm h khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 12 thay thế cụm từ "phê duyệt" thành cụm từ "quyết định".

+ Tại tiểu tiết a tiết 3.7.1 và tiểu tiết a tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 thay thế cụm từ "được giao" thành cụm từ "được duyệt".

+ Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11: "Bổ sung để tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025".

#### (4) Nội dung khác

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ thẩm tra và các tài liệu khác có liên quan, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy có nội dung đề nghị UBND tỉnh cần quan tâm, lưu ý:

- UBND thành phố Pleiku có Tờ trình số 456/TTr-UBND ngày 30/11/2023 trong đó, UBND thành phố Pleiku có đề nghị xem xét, nghiên cứu sửa đổi một số quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai, trong đó đề nghị xem xét, nghiên cứu xây dựng định mức tăng thêm so với định mức tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND cho thành phố Pleiku đối với 03 nội dung: Bổ sung nguồn sự nghiệp kinh tế: 40 tỷ đồng, sự nghiệp môi trường: 36 tỷ đồng, tăng phân bổ mức chi quản lý tài chính<sup>6</sup>. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy, để đảm bảo ổn định thời kỳ ngân sách giai đoạn 2022-2025, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh không thống nhất điều chỉnh định mức tăng thêm so với định mức tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND. Tuy nhiên, do nhu cầu kinh phí phục vụ nhiệm vụ công ích ngày càng tăng (do mở tuyến thu gom rác, khối lượng xử lý rác thải ngày càng tăng; khối lượng chăm sóc duy trì cây xanh, hoa viên tăng thêm hằng năm như dải phân cách đường Tôn Đức Thắng, đường Lê Đại Hành...), Trong phương án sơ bộ dự toán 2024 do UBND thành phố Pleiku lập dành cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải đô thị 173,026 tỷ đồng, so với nguồn sự nghiệp môi trường của thành phố được tạo nguồn 42,058

<sup>6</sup> Theo Tờ trình số 456/TTr-UBND ngày 30/11/2023 của UBND thành phố Pleiku về xem xét, sửa đổi một số quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai.

tỷ đồng thành phố Pleiku sẽ khó đảm bảo, rất khó khăn trong đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công ích trên địa bàn thành phố nên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu bố trí bổ sung kinh phí để hỗ trợ thêm cho thành phố Pleiku thực hiện nhiệm vụ công ích.

**4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 402/BC-BKTNS ngày 30/11/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh).*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



*Nguyễn Đình Phương*  
**Nguyễn Đình Phương**



## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh” (theo Tờ trình số 3231/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh gồm:

(1) Tờ trình số 3231/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh”;

(2) Dự thảo nghị quyết “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh”;

(3) Tài liệu khác có liên quan: Tờ trình, báo cáo của các địa phương<sup>1</sup> về danh mục, công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2024.

### 2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 3 Điều 62<sup>2</sup> Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 45 Luật

<sup>1</sup> Các huyện: Kông Chro, Đak Pơ, Mang Yang, Chư Sê, Đức Cơ, Kbang, Chư Puh, Phú Thiện, Krông Pa, Ia Grai, thị xã Ayun Pa và thành phố Pleiku.

<sup>2</sup> Điều 62. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) và tiết c điểm 3 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ “*Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai*”, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

### 3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

3.1. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến như sau: Đề nghị HĐND tỉnh bổ sung Dự án Đường Lạc Long Quân, Phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku<sup>3</sup> vào danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024. Lý do: Dự án đã có quyết định phê duyệt dự án, trong đó, có thể hiện mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và dự án đã được bố trí vốn trong dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 của HĐND thành phố Pleiku là: 4,0 tỷ đồng/tổng mức đầu tư là: 44,353 tỷ đồng và có đủ điều kiện triển khai, thực hiện trong năm 2024.

Tại thời điểm thẩm tra, có 12 công trình, dự án<sup>4</sup> chưa có quyết định phê duyệt dự án và 04 công trình, dự án<sup>5</sup> chưa xác định mức bồi thường, giải phóng mặt bằng là chưa đảm bảo các điều kiện để HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 9<sup>6</sup> Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

3. Thực hiện các dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: “a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.”

<sup>3</sup> Diện tích 0,07 ha, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 23.420.568.000 đồng.

<sup>4</sup> Thị xã Ayun Pa có 02 công trình, dự án: Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Tiểu học Chu Văn An; Huyện Đức Cơ có 01 công trình, dự án: Điểm tham quan du lịch cây đa làng Ghè; Huyện Kbang có 01 công trình, dự án: Đường Lê Văn Tám (đoạn cầu Lê Văn Tám - đường Đông Trường Sơn); Huyện Ia Grai có 02 công trình, dự án: Xây dựng hệ thống đường quy hoạch tổ dân phố 6; Đường quy hoạch mở rộng thị trấn về phía Bắc (Đường Hoàng Hoa Thám nối dài và tuyến 02 đường từ đường Đinh Tiên Hoàng đến thôn Thắng Trạch 2); Huyện Krông Pa có 05 công trình, dự án: Đường Võ Thị Sáu (đoạn Hùng Vương - Quang Trung); Đường Bạch Đằng (đoạn Thống Nhất - Trần Hưng Đạo) và Đường Quang Trung (đoạn Trần Hưng Đạo - Bạch Đằng); Đường Anh Hùng Núp (đoạn Hùng Vương - Quang Trung) và Nút giao thông Quang Trung - Cách Mạng; Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Kpă Tít) và Đường Hai Bà Trưng (đoạn Hùng Vương - Nguyễn Văn Trỗi); Đường Kpă Klong (đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Văn Tám); Huyện Chư Sê có 01 công trình, dự án: Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang.

<sup>5</sup> Huyện Kbang có 04 công trình, dự án: Mở rộng đường trung tâm xã Tơ Tung; Mở rộng đường trung tâm xã Lo Ku; Mở rộng đường trung tâm xã Kon Pnê; Mở rộng đường trung tâm xã Đăk Hlơ.

<sup>6</sup> Điều 9. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

4. Trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện: “đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo



“*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai*”. Tuy nhiên, do Kỳ họp của HĐND cấp huyện diễn ra sau Kỳ họp thứ Mười lăm của HĐND tỉnh, do đó, Ban đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận thông qua để UBND cấp huyện phê duyệt dự án và trình HĐND cùng cấp ghi vốn trong Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tại Kỳ họp cuối năm 2023 của HĐND cấp huyện để kịp thời gian tiến độ triển khai các bước tiếp theo của dự án. Nếu đến ngày 31/12/2023, các dự án nêu trên không đảm bảo đủ điều kiện theo quy định<sup>7</sup>, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh không cho phép thu hồi đất thực hiện trong năm 2024.

Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND huyện Kbang kiểm tra, rà soát đối với diện tích thu hồi đất của dự án *Đường từ trung tâm xã Sơ Pai đi xã Đăk Smar* có diện tích đất rừng theo quy hoạch 3 loại rừng hay không, báo cáo về Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trước ngày khai mạc Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII.

Ngoài ra, Ban đề nghị chỉnh sửa một số nội dung tại bảng biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau:

+ Tại cột *Ghi chú*: Bỏ nội dung ghi chú tại các mục 3 phần I, mục 2, 3, 4 phần VIII và mục 1 phần XI.

+ Tại cột *Cơ sở thực hiện* của mục 2 Phần VI - Huyện Đức Cơ: Bổ sung Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Đức Cơ.

+ Tại cột *Cơ sở thực hiện* của mục 1 Phần X - Huyện Phú Thiện (Dự án Đường nội thị huyện Phú Thiện): Bổ sung Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

+ Tại cột *Diện tích (ha)* của mục 1 Phần X - Huyện Phú Thiện (Dự án Đường Đ80): Điều chỉnh diện tích 0,08 thành 0,72 nhằm đảm bảo phù hợp với đề xuất của UBND huyện Phú Thiện.

**3.2. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh: Tổng số 43 công trình, dự án<sup>8</sup> với diện tích 86,61 ha. Dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là: 130.995.892.576 đồng (trên tổng số 42 công trình, dự án với diện tích 85,90 ha, dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là: 107.575.324.576 đồng do UBND tỉnh trình). Cụ thể như sau:**

(1) Huyện Kông Chro: 03 công trình, dự án với diện tích 15,05 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.761.702.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”*

<sup>7</sup> Điều 63. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương “4. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các đơn vị thực hiện”.

<sup>8</sup> Tầng 01 dự án so với dự thảo nghị quyết UBND tỉnh trình: Dự án Đường Lạc Long Quân, Phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku.

(2) Huyện Đak Pơ: 02 công trình, dự án với diện tích 3,70 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 570.000.000 đồng (ngân sách huyện).

(3) Thị xã Ayun Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 0,80 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 1.970.600.000 đồng (ngân sách thị xã).

(4) Huyện Mang Yang: 01 công trình, dự án với diện tích 2,50 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 500.000.000 đồng (ngân sách huyện).

(5) Huyện Chư Sê: 02 công trình, dự án với diện tích 3,21 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 769.445.576 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

(6) Huyện Đức Cơ: 02 công trình, dự án với diện tích 1,32 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 2.100.000.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

(7) Thành phố Pleiku: 06 công trình, dự án với diện tích 4,68 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 80.352.590.000 đồng (ngân sách thành phố).

(8) Huyện Kbang: 08 công trình, dự án với diện tích 16,96 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.730.000.000 đồng (nguồn sách huyện).

(9) Huyện Chư Pưh: 04 công trình, dự án với diện tích 18,33 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 20.300.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương và nguồn hợp pháp khác).

(10) Huyện Phú Thiện: 03 công trình, dự án với diện tích 4,78 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.375.555.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

(11) Huyện Krông Pa: 07 công trình, dự án với diện tích 10,03 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.566.000.000 đồng (ngân sách huyện và ngân sách Trung ương).

(12) Huyện Ia Grai: 02 công trình, dự án với diện tích 5,25 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.000.000.000 đồng (ngân sách huyện).

3.3. Về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh” đối với dự án Đường hành lang kinh tế phía Đông.

(1) Hiện trạng của số thứ tự 3 Mục V (huyện Chư Păh) từ “Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn” thành “Đất trồng cây lâu năm, đất thủy lợi và đất giao thông, bờ lô” và dự kiến kinh phí từ “29.570.000.000 đồng” thành “69.667.875.637 đồng”.

(2) Hiện trạng của số thứ tự 1 Mục VI (huyện Đak Đoa) từ “Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn” thành “Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy

sản và đất ở tại nông thôn” và dự kiến kinh phí từ “35.820.000.000 đồng” thành “67.035.539.223 đồng”.

(3) Dự kiến kinh phí của số thứ tự 1 Mục VII (thành phố Pleiku) từ “46.600.000.000 đồng” thành “113.787.836.647 đồng”.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất, tuy nhiên, Ban đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo thuyết minh làm rõ lý do việc đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh diện tích, loại đất, kinh phí bồi thường so với Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh đối với dự án Đường hành lang kinh tế phía Đông (trong đó, nêu rõ nguyên nhân tăng kinh phí giải phóng mặt bằng của dự án từ 112 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung, số liệu báo cáo). Đề nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh làm rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết: số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020, số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 để xảy ra thiếu sót, dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung tại Kỳ họp lần này; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, giám sát công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất của Dự án này, tránh tình trạng lợi dụng việc triển khai Dự án để đầu cơ, trục lợi.

**3.4.** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh, bổ sung hiện trạng của số thứ tự 2 Mục III (huyện Ia Grai) Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh “Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai” đối với dự án Đường liên xã huyện Ia Grai từ “Đất trồng cây lâu năm” thành “Đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm”.

**4. Về thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

**\* Báo cáo này thay thế Báo cáo số 384/BC-BKTNS ngày 27/11/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.**

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**

